

Hòa Bình, ngày 11 tháng 06 năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Biên đạo múa

Tên tiếng anh: Choreographer

Mã ngành: 6210214

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh:

- Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian đào tạo: 03 năm

(Ban hành kèm theo Quyết định số 385/QĐ-CDNTTB-ĐT ngày 11 tháng 06 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Tây Bắc).

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Biên đạo Múa trình độ cao đẳng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, nghệ thuật Biên đạo múa và khả năng dàn dựng chương trình.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Phẩm chất đạo đức

Có lập trường tư tưởng vững vàng, tư cách đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh yêu nghề, nắm vững đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

1.2.2. Kiến thức:

Nắm vững những kiến thức cơ bản biên đạo múa; khả năng tư duy sáng tạo, biên đạo những tác phẩm múa.

1.2.3. Kỹ năng:

Có kỹ năng biên đạo múa, vận dụng thành thạo các kỹ thuật biên đạo cơ bản, sử dụng các chất liệu Múa khác nhau để sáng tác và dàn dựng những tác phẩm (múa dân gian các dân tộc, múa cổ điển châu Âu và múa hiện đại).

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp làm Biên đạo múa ở các đoàn nghệ thuật và trung tâm văn hóa. Có thể học tiếp lên trình độ cao hơn.

2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC

+ Số lượng môn học: **17**

+ Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **3000 giờ** (132 tín chỉ)

- Khối lượng các môn học chung: **435 giờ**

- Khối lượng các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành: **2535 giờ**

- Khối lượng các môn tự chọn: **30 giờ**

- Khối lượng lý thuyết: 832 giờ; Thực hành, Bài tập, thực tập: 2065 giờ;

Kiểm tra: 103 giờ.

3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

Stt	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập				
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành Bài tập thảo luận	Kiểm tra	Tự học
I	Các môn học chung	29	435	157	255	23	
MH 01	Chính trị	5	75	41	29	5	
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2	
MH 03	Giáo dục thể chất	4	60	5	51	4	
MH 04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	5	75	36	35	4	
MH 05	Tin học	5	75	15	58	2	
MH 06	Ngoại ngữ (Tiếng anh)	8	120	42	72	6	
II	Các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành: 2535						
II.1	Môn học cơ sở ngành	22	465	173	270	22	
MH 07	Độc nhạc	4	90	26	60	4	
MH 08	Hình thức âm nhạc	3	60	27	30	3	
MH 09	Lịch sử múa	4	75	41	30	4	
MH 10	Múa hiện đại	5	120	25	90	5	
MH 11	Kết cấu múa dân gian dân tộc	3	60	27	30	3	
MH 12	Kết cấu múa cổ điển châu Âu	3	60	27	30	3	
II.2	Môn học chuyên ngành	79	2070	488	1526	56	
MH 13	Múa cổ điển châu Âu	18	360	164	180	16	
MH 14	Múa dân gian dân tộc	22	480	160	300	20	
MH 15	Biên đạo múa	23	510	164	330	16	
MH 16	Thực tập nghề nghiệp	16	720	0	716	4	

Stt	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập				
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành Bài tập thảo luận	Kiểm tra	Tự học
II.3	Môn học tự chọn	2	30	14	14	2	
MH 18	Văn hóa giao tiếp	2	30	14	14	2	
	Múa sân khấu truyền thống						
	Cộng:	132	3000	832	2065	103	
* Các môn thi tốt nghiệp							
1. Giáo dục chính trị							
2. Lịch sử Múa							
3. Biên đạo Múa							

*** Kế hoạch đào tạo chi tiết:**

TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Số tiết	Học kỳ I	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4	Học kỳ 5	Học kỳ 6
I.	Các môn học chung	29	435						
1	Chính trị	5	75			75			
2	Pháp luật	2	30	30					
3	Giáo dục thể chất	4	60	30	30				
4	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	5	75		75				
5	Tin học	5	75	75					
6	Ngoại ngữ (Tiếng anh)	8	120	60	60				
II.	Môn học CS ngành và chuyên ngành	101	2535						
II.1	Môn học cơ sở ngành	22	465						
7	Độc nhạc	4	90	45	45				
8	Hình thức âm nhạc	3	60		60				
9	Lịch sử múa	4	75					75	
10	Múa hiện đại	5	120				60	60	
11	Kết cấu múa dân gian dân tộc	3	60	60					
12	Kết cấu múa cổ điển châu Âu	3	60		60				
II.2	Môn học chuyên ngành	79	2070						
13	Múa cổ điển châu Âu	18	360	90	90	90	90		
14	Múa dân gian dân tộc	22	480	90	90	105	105	90	
15	Biên đạo múa	23	510			120	120	135	135
16	Thực tập nghề nghiệp	16	720			180	180	180	180
II.3	Môn học tự chọn	2	30						
17	Văn hóa giao tiếp	2	30					30	
	Múa sân khấu truyền thống								
	Cộng:	132	3000	480	510	570	555	570	315
* Các môn thi tốt nghiệp									
1	Giáo dục chính trị								
2	Lịch sử múa								
3	Biên đạo múa								

4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Các môn học chung bắt buộc được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành.

4.2. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khoá

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Nhà trường tổ chức, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khoá tại các Đoàn nghệ thuật; Nhà hát ca múa nhạc; Địa danh văn hóa lịch sử hoặc tham gia các hoạt động đoàn thể, văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện và các đợt sinh hoạt chính trị.

- Thời gian cho hoạt động giáo dục ngoại khoá được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

Stt	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Sinh hoạt văn hoá, văn nghệ	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện để đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4.3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học.

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 12 của Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13 tháng 03 năm 2019 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

- Thi kết thúc môn học được thực hiện bằng các hình thức thi: Viết; Vấn đáp; Trắc nghiệm; Thực hành.

- Thời gian làm bài thi kết thúc môn học:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút

+ Thực hành: Không quá 25 phút/sinh viên

- Lịch thi của kỳ thi chính được thực hiện theo kế hoạch đào tạo trong năm học và được thông báo cho sinh viên trước kỳ thi ít nhất 04 tuần, lịch thi của kỳ thi phụ được thông báo trước kỳ thi ít nhất 01 tuần. Quá trình thi, chấm và thông báo kết quả được thực hiện đúng theo các quy định của Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

- Sinh viên phải hoàn thành các môn học trong chương trình đào tạo của ngành học và điểm tổng kết mỗi môn học phải đạt từ 5.0 trở lên theo thang điểm 10.

- Điểm rèn luyện: Sinh viên đạt điểm xếp loại rèn luyện toàn khóa học từ loại Trung bình trở lên.

- Hồ sơ sinh viên: Đầy đủ theo quy định

- Có điểm Giáo dục quốc phòng, an ninh và Giáo dục thể chất.

- Hoàn thành chương trình thực tập nghề nghiệp của nhà trường.

* Để tốt nghiệp ra trường sinh viên phải thi tốt nghiệp các môn sau:

Stt	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Giáo dục chính trị	Viết	120 phút
2	Lịch sử múa	Viết	120 phút
3	Biên đạo múa	Thực hành	30 phút

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp và tiến hành cấp bằng **Cử nhân thực hành** cho người học theo đúng quy định.

4.5. Các chú ý khác (Nếu có)

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Các phòng, ban, khoa (để thực hiện)
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Minh Cường

CHƯƠNG TRÌNH
MÔN HỌC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC
CHUNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục chính trị

Mã môn học: MH 01

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (lý thuyết: 41 giờ; thảo luận: 29 giờ; kiểm tra: 05 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức: Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	2	2		
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin	13	9	4	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	13	9	4	
4	Kiểm tra	2			2
5	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	
6	Bài 4: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	5	3	2	
7	Bài 5: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	5	5	
8	Bài 6: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	6	3	3	
9	Kiểm tra	2			2
10	Bài 7: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7	3	4	
11	Bài 8: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	6	3	3	
12	Bài 9: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2	
13	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	75	41	29	05

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

- 2.2. Mục tiêu của môn học
- 2.3. Nội dung chính
- 2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1

KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội;
- Bước đầu vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
 - 2.2.1. Triết học Mác - Lênin
 - 2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin
 - 2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học
- 2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2

KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;
- Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Nguồn gốc
 - 2.1.3. Quá trình hình thành
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh
 - 2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

2.2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

2.2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

2.2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

2.2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3

NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;

- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4

ĐẶC TRUNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;
- Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

2.1.2. Do nhân dân làm chủ

2.1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp

2.1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

2.1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện

2.1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển

2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo

2.1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới

2.2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường

2.2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

2.2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

2.2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

2.2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất

2.2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

2.2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Bài 5

PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;
- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung

2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 6

TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay;
- Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế

2.2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

2.3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

2.3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

Bài 7

XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác và xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 8

PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;
- Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung

2.1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Bài 9

TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;
- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phần đầu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;
- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TTr-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung của môn học đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

VII. Một số hướng dẫn khác

Khuyến khích các trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020" tổ chức thí điểm giảng dạy trực tuyến môn học. Đối với các trường khác, chỉ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình Các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận- Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;

19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

20. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

Các tài liệu liên quan khác./.

CHƯƠNG TRÌNH
MÔN HỌC PHÁP LUẬT THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC CHUNG TRONG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Pháp luật

Mã môn học: MH 02

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 18 giờ; Thảo luận, bài tập: 10 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học: Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học,

phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	
3	Bài 3: Pháp luật dân sự	5	3	2	
4	Bài 4: Pháp luật lao động	7	5	2	
5	Bài 5: Pháp luật hành chính	4	3	1	
6	Bài 6: Pháp luật hình sự	5	3	2	
7	Bài 7: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
8	Bài 8: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	
9	Kiểm tra	2			2
	Cộng	30	18	10	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

1. Mục tiêu

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

- 2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật
 - 2.2.1.1. Quy phạm pháp luật
 - 2.2.1.2. Chế định pháp luật
 - 2.2.1.3. Ngành luật
- 2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam
- 2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật
 - 2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật
 - 2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Bài 2: HIẾN PHÁP

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung

- 2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam
 - 2.1.1. Khái niệm hiến pháp
 - 2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013
 - 2.2.1. Chế độ chính trị
 - 2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
 - 2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3: PHÁP LUẬT DÂN SỰ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật dân sự.
- Nhận biết được quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự
- 2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự
- 2.3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự

2.3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản

2.3.2. Hợp đồng

Bài 4: PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.
- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động

2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

2.3.3. Hợp đồng lao động

2.3.4. Tiền lương

2.3.5. Bảo hiểm xã hội

2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi

2.3.7. Kỷ luật lao động

2.3.8. Tranh chấp lao động

2.3.9. Công đoàn

Bài 5: PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật hành chính;
- Nhận biết được các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính

2.2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính

2.2.1. Vi phạm hành chính

2.2.2. Xử lý vi phạm hành chính

Bài 6: **PHÁP LUẬT HÌNH SỰ**

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản của Luật hình sự.
- Nhận biết được các loại tội phạm và các hình phạt.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự
 - 2.2.1. Tội phạm
 - 2.2.2. Hình phạt

Bài 7: **PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;
- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm tham nhũng
- 2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng
- 2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng
- 2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng
- 2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 8: **PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**

1. Mục tiêu

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;
- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung

- 2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng
- 2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- 1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác:

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH .

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

2. Bộ Luật lao động, 2012.

3. Bộ Luật dân sự, 2015.

4. Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

5. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.

6. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.

7. Luật Xử lý vi phạm hành chính, 2012.

8. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

9. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.

10. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.

11. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐT BXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

12. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.

13. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).

14. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.

15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.

16. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

17. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.

18. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.

19. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

20. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.

21. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.

22. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.

23. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017.

24. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, năm 2018./.

CHƯƠNG TRÌNH
MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC
CHUNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục thể chất

Mã môn học: MH 03

Thời gian thực hiện: 60 giờ (lý thuyết: 05 giờ; thực hành: 51 giờ; kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất

1. Vị trí: Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học: Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	BÀI MỞ ĐẦU	1	1		
II	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG				
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	13	1	12	
2	Bài 2: Điền kinh	14	1	13	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	2			2

III	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)	30	2	26	2
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	30	2	26	2
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	30	2	26	2
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	30	2	26	2
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	30	2	26	2
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	30	2	26	2
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	30	2	26	2
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	30	2	26	2
	Cộng	60	5	51	4

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I

GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản của một số bài thể dục cơ bản;
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của các bài thể dục được học.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3. Thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.1. Tác dụng của thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: ĐIỀN KINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa hoặc nhảy cao;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

2.3. Nhảy cao hoặc nhảy xa

Tùy theo điều kiện cụ thể, Hiệu trưởng nhà trường quyết định chọn dạy một trong hai nội dung điền kinh dưới đây: Nhảy cao hoặc nhảy xa.

2.3.1. Nhảy cao

2.3.1.1. Tác dụng của nhảy cao

2.3.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy cao

2.3.2. Nhảy xa

2.3.2.1. Tác dụng của nhảy xa

2.3.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy xa

Chương II

CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN

(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Chuyên đề 1: MÔN BƠI LỢI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bơi lội.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

2.2.2. Động tác chân và tay

2.2.3. Phối hợp tay - chân

2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

2.2.5. Kỹ thuật xuất phát

2.2.6. Kỹ thuật quay vòng

2.2.7. Kỹ thuật về đích

2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: MÔN CẦU LÔNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.2.7. Kỹ thuật đập cầu

2.2.8. Chiến thuật thi đấu

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: MÔN BÓNG CHUYỀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)

2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt

2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt

2.2.6. Kỹ thuật chắn bóng

2.2.7. Kỹ thuật đập bóng theo phương lầy đà

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: MÔN BÓNG RỔ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực

2.2.4. Kỹ thuật bắt bóng bằng một tay

2.2.5. Kỹ thuật bắt bóng bằng hai tay

2.2.6. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai

2.2.7. Kỹ thuật ném rổ bằng hai tay trước ngực

2.2.8. Kỹ thuật hai bước ném rổ

2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: MÔN BÓNG ĐÁ

1. Mục tiêu

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng đá

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Kỹ thuật di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật giữ/ không chế bóng

2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân

2.2.5. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân

2.2.6. Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân

2.2.7. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên

2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6: MÔN BÓNG BÀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng bàn.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay

2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay

2.2.4. Kỹ thuật bạt bóng thuận và trái tay

2.2.5. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay

2.2.6. Kỹ thuật tấn công và phòng thủ (thuận và trái tay)

2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7: MÔN THỂ DỤC THỂ THAO KHÁC

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

+ Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đập xuất phát và các thiết bị khác;

+ Nhảy cao: Nệm nhảy cao, trụ, xà nhảy cao và các thiết bị khác;

+ Nhảy xa: Hồ nhảy xa, thước đo và các thiết bị khác.

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.

4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.

6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.

7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.

8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.

9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.

13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyên, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

CHƯƠNG TRÌNH
MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC CHUNG
TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10 /2018/TT-BLĐT BXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh

Mã môn học: MH 04

Thời gian thực hiện: 75 giờ (lý thuyết: 36 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 35 giờ; kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học: Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyển thương.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;

- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyển thương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

- Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2		
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành thảo luận	Kiểm tra
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1			1
8	Bài 7: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng	5	3	2	
9	Bài 8: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	5	3	2	
10	Bài 9: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	5	3	2	
11	Bài 10: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh	5	3	2	
12	Kiểm tra	1			1
13	Bài 11: Đội ngũ đơn vị	4	1	3	
14	Bài 12: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	19	5	14	
15	Bài 13: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	
16	Kiểm tra	2			2
	CỘNG	75	36	35	4

2. Nội dung chi tiết

Bài 1:

NHẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học

2.2. Các nội dung chính

2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học

2.4. Điều kiện thực hiện môn học

2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2:

PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hoà bình"

2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ

2.2. Chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hoà bình" đối với Việt Nam

2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

2.5. Thảo luận

Bài 3:

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;

- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

2.3. Thảo luận

Bài 4: **XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ** **BIÊN GIỚI QUỐC GIA**

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;

- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia

2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.5. Thảo luận

Bài 5: **MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO**

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;

- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

- 2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc
- 2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam
- 2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo
 - 2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo
 - 2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam
- 2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam
 - 2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước
 - 2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước
 - 2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc
- 2.4. Thảo luận

Bài 6:
NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM
VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung

- 2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm
 - 2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm
 - 2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm
 - 2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm
 - 2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường
- 2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội
 - 2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội
 - 2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội
 - 2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội
- 2.3. Thảo luận

Bài 7:

ĐƯỜNG LỐI QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ AN NINH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA, TƯ TƯỞNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.1.1. Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam

2.1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với việc tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa, tư tưởng trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước

2.2.3. Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.4. Thảo luận

Bài 8:

CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Tính chất đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực

2.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh

2.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt

2.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh

2.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn

2.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân

2.3.1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân

2.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 9:

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới

2.2.1. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng

2.2.2. Chính quy

2.2.3. Tinh nhuệ

2.2.4. Từng bước hiện đại

2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 10:

KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG, CỨNG CỐ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

- Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam

2.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay

2.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ

2.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

2.2.4. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

2.2.5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại

2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay

2.4. Thảo luận

Bài 11: ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;

- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung

2.1. Đội hình tiểu đội

2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang

2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc

2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc

2.2. Đội hình trung đội

2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang

2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang

2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang

2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc

2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc

2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc

2.3. Đổi hướng đội hình

2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ

2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi

2.4. Thực hành

Bài 12:

GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh

2.1.1. Súng trường CKC

2.1.2. Súng tiểu liên AK

2.1.3. Súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm

2.1.4. Súng diệt tăng B41

2.1.5. Lựu đạn cần 97 Việt Nam, lựu đạn F-1

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh

2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.2.3. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn cần 97 Việt Nam và Lựu đạn F-1

2.3. Thực hành

Bài 13:

KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung

- 2.1. Cầm máu tạm thời
 - 2.1.1. Mục đích
 - 2.1.2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời
 - 2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu
 - 2.1.4. Các biện pháp cầm máu tạm thời
- 2.2. Cố định tạm thời xương gãy
 - 2.2.1. Mục đích
 - 2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy
 - 2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy
- 2.3. Hô hấp nhân tạo
 - 2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở
 - 2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu
 - 2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở
- 2.4. Kỹ thuật chuyển thương
 - 2.4.1. Mang vác bằng tay
 - 2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng
- 2.5. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm học tập

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Cấu tạo, sử dụng một số loại lựu đạn;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC, súng trung liên RPD, súng diệt tăng B41;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Cấu tạo và động tác sử dụng lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC, RPĐ, B41 cắt bỏ;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97 cắt bỏ;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97 luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07;
- Lựu đạn tập nổ nhiều lần sử dụng CO2 lỏng (LĐT-15).

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn, túi đựng lựu đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;
- + Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Thất lưng;
- + Giày da;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;

- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biện tên;
- + Ca vát.
- Trang phục người học giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thất lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

Tài liệu tham khảo:

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.
5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.
6. Luật an ninh quốc gia, 2004.
7. Bộ luật hình sự, 2015.
8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.
9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.
10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
12. Luật biển Việt Nam, 2012.
13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.

14. Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.
15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.
23. Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
24. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
25. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
26. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.

27. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.
28. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
29. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.
30. Sách dạy bắn súng trung liên RPD, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.
31. Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002./.

CHƯƠNG TRÌNH
MÔN HỌC TIN HỌC THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC CHUNG TRONG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 11 /2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Tin học

Mã môn học: MH 05

Thời gian thực hiện: 75 giờ, (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; kiểm tra: 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

1. Về kiến thức: Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;

- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;

- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;

- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;

- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;

- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

- Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành thảo luận bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	5	3	2	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	6	2	4	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	17	2	15	
4	Kiểm tra	1			1
5	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	29	4	25	
6	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	11	2	9	
7	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	5	2	3	
8	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	75	15	58	2

2. Nội dung chi tiết

Chương I

HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;

- Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

2.4. Mạng cơ bản

2.4.1. Những khái niệm cơ bản

2.4.2. Internet, Intranet, Extranet

2.4.3. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.3.1. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.3.2. Tốc độ truyền

2.4.3.3. Các số đo (bps, Kbps, Mbps, Gbps...)

2.4.4. Phương tiện truyền thông

2.4.4.1. Giới thiệu về phương tiện truyền thông

2.4.4.2. Băng thông

2.4.4.3. Phân biệt các phương tiện truyền dẫn có dây

2.4.5. Download, Upload

2.5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông

2.5.1. Một số ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trong kinh doanh

2.5.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông

2.6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

2.6.1. An toàn lao động

2.6.2. Bảo vệ môi trường

2.7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính

2.7.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu

2.7.2. Phần mềm độc hại (malware)

2.8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin

2.8.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ

2.8.2. Bảo vệ dữ liệu

Chương II SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;

- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

- 2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng
- 2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng
- 2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

- 2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin
- 2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin

2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin

- 2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục
- 2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục
- 2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

2.3. Sử dụng Control Panel

- 2.3.1. Khởi động Control Panel
- 2.3.2. Region and Language
- 2.3.3. Devices and Printers
- 2.3.4. Programs and Features

2.4. Một số phần mềm tiện ích

- 2.4.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin
- 2.4.2. Phần mềm diệt virus

2.5. Sử dụng tiếng Việt

- 2.5.1. Các bộ mã tiếng Việt
- 2.5.2. Cách thức nhập tiếng Việt
- 2.5.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

2.6. Chuyển đổi định dạng tập tin

2.7. Đa phương tiện

2.8. Sử dụng máy in

- 2.8.1. Lựa chọn máy in
- 2.8.2. In

Chương III XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;

- Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

2.1.1. Khái niệm văn bản.

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản.

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

2.2.2.3. Lưu tập tin

2.2.2.4. Đóng tập tin

2.2.3. Định dạng văn bản

2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)

2.2.3.2. Định dạng đoạn văn

2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)

2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering

2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)

2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)

2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)

2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản

2.2.3.4.1. Bảng (Table)

2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)

2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)

2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt

2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes

2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)

2.2.3.6. Tham chiếu (Reference)

2.2.3.7. Hoàn tất văn bản

- 2.2.3.7.1. Căn lề toàn bộ văn bản
- 2.2.3.7.2. Thêm, bỏ ngắt trang
- 2.2.3.7.3. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
- 2.2.4. In văn bản
- 2.2.5. Phân phối văn bản
- 2.2.6. Soạn thông báo, thư mời
- 2.2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu

Chương IV **SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN**

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

- 2.2.1. Khái niệm bảng tính
- 2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

- 2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel
 - 2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm
 - 2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel
- 2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính
 - 2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính
 - 2.2.2.2. Lưu bảng tính
 - 2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

- 2.3.1. Các kiểu dữ liệu
- 2.3.2. Cách nhập dữ liệu
- 2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu
 - 2.3.3.1. Xóa dữ liệu
 - 2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

- 2.4.1. Dòng và cột
- 2.4.1.1. Thêm dòng và cột
- 2.4.1.2. Xoá dòng và cột
- 2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột
- 2.2.1.4. Ẩn/hiện, cố định (freeze)/ thôi cố định (unfreeze) tiêu đề dòng, cột

2.4.2. Trang tính

- 2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính
- 2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính
- 2.4.2.3. Mở nhiều trang tính
- 2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Định dạng ô, dãy ô

- 2.5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ
- 2.5.2. Định dạng văn bản
- 2.5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

2.6. Biểu thức và hàm

- 2.6.1. Biểu thức số học
 - 2.6.1.1. Khái niệm biểu thức số học
 - 2.6.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản
 - 2.6.1.3. Các lỗi thường gặp
- 2.6.2. Hàm
 - 2.6.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm
 - 2.6.2.2. Toán tử so sánh =, <, >
 - 2.6.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND, INT, MOD, RANK)
 - 2.6.2.4. Hàm điều kiện IF
 - 2.6.2.5. Các hàm logic (AND, OR)
 - 2.6.2.6. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR, NOW)
 - 2.6.2.7. Các hàm chuỗi (LEFT, RIGHT, MID, LEN, UPPER, PROPER, LOWER, VALUE)
 - 2.6.2.8. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)
 - 2.6.2.9. Các hàm có điều kiện (COUNTIF, SUMIF)

2.7. Biểu đồ

- 2.7.1. Tạo biểu đồ
- 2.7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ

2.8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.8.1. Trình bày trang tính để in

2.8.2. Kiểm tra và in

2.8.3. Phân phối trang tính

Chương V SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;

- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.1.7. Chèn Audio, Video

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
- Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

2.1.1. Tổng quan về Internet

2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

2.1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

2.2.1.1. Thao tác duyệt web cơ bản

2.2.1.2. Thiết đặt (setting)

2.2.1.3. Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác

2.2.1.4. Đánh dấu

2.2.2. Sử dụng Web

2.2.2.1. Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công

2.2.2.2. Tìm kiếm, bộ tìm kiếm (máy tìm kiếm)

2.2.2.3. Lưu nội dung

2.2.2.4. In

2.2.3. Thư điện tử (Email)

2.2.3.1. Khái niệm thư điện tử

2.2.3.2. Viết và gửi thư điện tử

2.2.3.3. Nhận và trả lời thư điện tử

2.2.3.4. Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử

2.3. Một số dạng truyền thông số thông dụng

2.3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời

2.3.2. Cộng đồng trực tuyến

2.3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử

2.4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

2.4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin

2.4.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng

2.4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet

2.4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1 . Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy).
Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.

- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).

- Bàn ghế giảng viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.

- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa; Các thiết bị mạng cơ bản: Bridge, Repeater, Hub, Switch, Router và Gateway.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giảng viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:

+ Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

+ Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.

3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.

7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.

8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiển, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.

9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiên, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.
10. Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.
11. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC TIẾNG ANH
THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC CHUNG
TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Tiếng Anh

Mã môn học: MH 06

Thời gian thực hiện: 120 giờ, (Lý thuyết: 42 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 72 giờ; Kiểm tra và ôn tập: 6 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ cao đẳng, người học đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

1. Về kiến thức: Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời

gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

b) Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

c) Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chôn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

d) Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành thảo luận bài tập	Kiểm tra Ôn tập
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	9	3	6	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	9	3	6	
3	Bài 3: Địa điểm (Places)	9	3	6	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	9	3	6	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	9	3	6	
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	9	3	6	
8	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	9	3	6	
9	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)	9	3	6	
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
11	Bài 9: Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)	9	3	6	
12	Bài 10: Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)	9	3	6	
13	Bài 11: Công nghệ (Technology)	9	3	6	
14	Bài 12: Mua sắm (Shopping)	9	3	6	
15	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
	Tổng cộng	120	42	72	6

2. Nội dung chi tiết như sau:

Bài 1

GIA ĐÌNH VÀ BẠN BÈ (FAMILY AND FRIENDS)

1. Mục tiêu

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;

- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Gia đình;
- 2.1.2. Nghề nghiệp;
- 2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Động từ “to be”;
- 2.2.2. Tính từ sở hữu;
- 2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;
- 2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;
- 2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;
- 2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;
- 2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2

THỜI GIAN RẪNH RỖI (LEISURE TIME)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;

- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các môn thể thao;

2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;

2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;

2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;

2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;

2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3

ĐỊA ĐIỂM (PLACES)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;

- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

- Hỏi đường và chỉ đường;

- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;

- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;

2.1.2. Các tính từ thông dụng;

2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;

2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4

CÁC LOẠI THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (FOOD AND DRINK)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;

- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

- Hỏi về số lượng;

- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;

- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với *much* hoặc *many*;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Bài 5

CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT (SPECIAL OCCASIONS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;

- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;

2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;

2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thi hiện tại đơn;
- 2.2.2. Thi hiện tại tiếp diễn;
- 2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- 2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;
- 2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6 KỠ NGHỈ (VACATION)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
- 2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;
- 2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;
- 2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 7

CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY (ACTIVITIES)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- Nói về các hoạt động hàng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;
- 2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;
- 2.2.2. To infinitive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: A letter;
- 2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 8

SỞ THÍCH (HOBBIES AND INTERESTS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: *play, go* và *do*;

- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Sở thích;
- 2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
- 2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;
- 2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 9

CÁC KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI (FUTURE PLANS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trên lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm;

- Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;

- Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;

- Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Lễ hội;

2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc Will và going to;

2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).

Bài 10

NGOẠI HÌNH VÀ TÍNH CÁCH (APPEARANCE AND PERSONALITY)

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;
- Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;
- Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình;
- 2.1.2. Tính từ mô tả tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. So sánh hơn (Comparative);
- 2.2.2. So sánh nhất (Superlative).

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My travel page;
- 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 11

CÔNG NGHỆ (TECHNOLOGY)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ và ứng dụng;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;
- Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các thiết bị công nghệ;
- 2.1.2. Công nghệ.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;
- 2.2.2. Cấu trúc How long...?;
- 2.2.3. Giới từ For và since.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;
- 2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media;
- 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).

Bài 12

MUA SẴM (SHOPPING)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm;
- Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;
- Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm;
- Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các từ vựng liên quan đến mua sắm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Thì quá khứ đơn;

2.2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My Shopping Day;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Chương trình môn học tiếng Anh trình độ cao đẳng có thể chia thành 02 (hai) phần để giảng dạy, mỗi phần 60 giờ.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 120 giờ trên lớp, giáo viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 180 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm

giúp người học đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

4. Tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTĐ ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.

8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Đọc nhạc

Mã môn học: MH 07

Thời gian môn học: 90 giờ (Lý thuyết: 26 giờ; thực hành: 60 giờ; kiểm tra 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí: Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo.

2. Tính chất: Là môn học tích hợp trong chương trình đào tạo, cung cấp cho người học các phương pháp, kỹ năng nghe và đọc nhạc.

II. Mục tiêu môn học

- **Kiến thức:** Người học nắm được kiến thức cơ bản về cao độ, trường độ, điệu thức, loại nhịp ở mức độ đơn giản.

- **Kỹ năng:** Nhận biết, ứng dụng kiến thức nghe và đọc nhạc vào học tập và thực tế.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Người học có khả năng vận dụng kiến thức trong học tập và thực hành nghề.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	HỌC KỲ I (45t)				
1	Bài 1: - Phần lý thuyết âm nhạc ban đầu - Làm quen với cao độ cơ bản.	3	2	1	
2	Bài 2: - Các trường độ cơ bản - Nhịp đơn (2/4, 3/4) - Bài luyện đọc cao độ với các tiết tấu tròn, trắng, đen.	3	1	2	
3	Bài 3: - Giọng C - dur tự nhiên	3	1	2	
4	Bài 4: - Nốt móc đơn - Quãng 2, kết hợp thêm các tiết tấu đã học.	3	1	2	
5	Bài 5 : - Dấu lặng. - Quãng 3, kết hợp thêm các tiết tấu đã học.	3	1	2	
6	Bài 6 : - Nốt móc kép. Hướng dẫn cách xử lý nốt móc kép (chùm 4 kép) trong nhịp 2/4, 3/4. Ôn tập, củng cố - Thực hành kiểm tra	6	1	4	1

7	Bài 7: - Nốt móc kép	3	1	2	
8	Bài 8: - Nốt chấm đôi. - Giới thiệu và học quãng 4, kết hợp thêm các tiết tấu đã học	6	2	4	
9	Bài 9: - Nhịp lấy đà	3	1	2	
10	Bài 10: - Dấu nối, dấu luyện, dấu miễn nhịp.	3	1	2	
11	Bài 11: - Nhịp kép (C hoặc 4/4)	3	1	2	
12	Bài 12: - Củng cố kiến thức Thực hành kiểm tra	6	1	4	1
HỌC KỲ II (45t)					
13	Bài 13: Giọng a - moll tự nhiên	3	1	2	
14	Bài 14: - Các quãng rộng (quãng 5, q6) Giọng a - moll (hòa thanh, giai điệu).	3	1	2	
15	Bài 15: - Các dạng cơ bản của tiết tấu đơn, kép.	6	2	4	
16	Bài 16: - Nốt đơn chấm đôi (móc giật)	3	1	2	
17	Bài 17: - Củng cố kiến thức - Thực hành kiểm tra	6	1	4	1
18	Bài 18: - Tiết tấu chùm 3	3	1	2	
19	Bài 19: - Nhịp 3/8	6	1	4	
20	Bài 20: - Tiết tấu đảo phách, nghịch phách	6	2	4	
21	Bài 21: - Nhịp 6/8	3	1	2	
22	Bài 22: - Củng cố kiến thức - Thực hành kiểm tra	6	1	4	1
	Cộng	90	26	60	4

2. Nội dung chi tiết học phần:

HỌC KỲ I

Bài 1

LÀM QUEN VỚI CAO ĐỘ

1. Mục tiêu

- Người học nắm được khuông nhạc, vị trí 7 nốt nhạc cơ bản trên khóa sol, nhớ mặt nốt và đọc đúng cao độ.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Khuông nhạc, dòng phụ, nốt nhạc

2.1.2. Khóa Sol và vị trí các âm cơ bản trên khóa

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Nhận mặt nốt nhanh và đọc đúng cao độ

2.2.2. Bài luyện đọc cao độ

Bài 2

CÁC TRƯỜNG ĐỘ CƠ BẢN NHỊP ĐƠN (2/4, 3/4)

1. Mục tiêu

- Người học nhận biết được loại nhịp (cụ thể nhịp 2/4, 3/4), các trường độ cơ bản và biết cách phân chia giá trị phách các trường độ cơ bản đó (giới thiệu bài nốt tròn, đen, trắng).

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Các trường độ cơ bản. Giá trị trường độ cơ bản và cách phân chia.

2.1.2. Giới thiệu nhịp 2/4, 3/4

2.1.3. Giá trị phách trong mỗi loại nhịp

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Nhận mặt nốt nhanh và đọc đúng cao độ

2.2.2. Bài luyện đọc cao độ với các tiết tấu tròn, trắng, đen.

Bài 3

GIỌNG ĐỘ TRƯỜNG TỰ NHIÊN (C - dur)

1. Mục tiêu

- Người học hiểu và biết xử lý bài đọc nhạc ở giọng C - dur tự nhiên

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Giọng C - dur tự nhiên.

2.1.2. Hướng dẫn phân tích trên gam C - dur tự nhiên.

2.2. Đọc nhạc.

2.2.1. Gam C - dur tự nhiên.

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc ở giọng C - dur trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 4

NỐT MÓC ĐƠN

1. Mục tiêu

- Người học xử lý được tiết tấu móc đơn trong nhịp 2/4, 3/4

2. Nội dung

2.1.1. Lý thuyết

2.1.2. Nốt móc đơn

2.1.3. Hướng dẫn cách xử lý nốt móc đơn trong nhịp 2/4, 3/4

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam C - dur: quãng 2, kết hợp thêm các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc ở giọng C - dur trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 5 **DẤU LẶNG**

1. Mục tiêu

- Người học hiểu và xử lý được bài đọc nhạc có dấu lặng (nghi).

2. Nội dung

2.1.1. Lý thuyết

2.1.2. Các dấu lặng.

2.1.3. Hướng dẫn cách xử lý dấu lặng trong nhịp 2/4, 3/4

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam C - dur: quãng 3, kết hợp thêm các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc ở giọng C - dur trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 6 **NỐT MÓC KÉP**

1. Mục tiêu

- Người học hiểu và xử lý được bài đọc nhạc có tiết tấu móc kép trong nhịp 2/4, 3/4.

2. Nội dung

2.1.1. Lý thuyết

2.1.2. Nốt móc kép

2.1.3. Hướng dẫn cách xử lý nốt móc kép (chùm 4 kép) trong nhịp 2/4, 3/4

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam C - dur: quãng 2, quãng 3, kết hợp thêm các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc ở giọng C - dur trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 7 **ÔN TẬP**

1. Mục tiêu

- Thực hiện được các bài đọc tổng hợp các kiến thức đã học

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Ôn lại các kiến thức đã học

2.1.2. Thực hành kiểm tra bất kỳ các kiến thức đã học

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Ôn tập Gam C - dur (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc ở giọng C - dur trong phạm vi đã học.

2.2.3. Thực hành kiểm tra bài đọc trong phạm vi kiến thức đã học

Bài 8 **NỐT CHẤM DÔI**

1. Mục tiêu

- Người học xử lý được tiết tấu chấm dôi trong các loại nhịp 2/4, 3/4

2. Nội dung

2.1.1. Lý thuyết

2.1.2. Nốt chấm dôi

2.1.3. Hướng dẫn cách xử lý nốt đen chấm dôi trong nhịp 2/4, 3/4

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam C - dur (quãng 4) kết hợp thêm các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc ở giọng C - dur trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 9 **NHỊP LẤY ĐÀ**

1. Mục tiêu

- Người học hiểu và biết xử lý bài đọc nhạc có phách lấy đà trong nhịp 2/4, 3/4.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Nhịp lấy đà (nhịp thiếu)..

2.1.2. Hướng dẫn cách xử lý bài đọc có phách lấy đà trong nhịp 2/4, 3/4.

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam C - dur kết hợp thêm các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc ở giọng C - dur trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 10 **DẤU NỔI, DẤU LUYẾN, DẤU MIỄN NHỊP**

1. Mục tiêu

- Người học hiểu và xử lý được bài đọc nhạc có dấu nổi, dấu luyện, dấu miễn nhịp.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Dấu nổi, dấu luyện, dấu miễn nhịp

2.1.2. Hướng dẫn cách xử lý bài đọc có dấu nổi, dấu luyện, dấu miễn nhịp

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam C - dur kết hợp thêm các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc giọng C - dur trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 11 **NHỊP KÉP (C hoặc 4/4)**

1. Mục tiêu

- Người học hiểu và xử lý được bài đọc nhạc ở nhịp 4/4.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.2. Khái niệm nhịp kép.

2.1.3. Hướng dẫn cách xử lý trọng âm trong nhịp 4/4..

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam C - dur kết hợp thêm các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc giọng C - dur trong phạm vi kiến thức đã học

Bài 12 ÔN TẬP

1. Mục tiêu

- Thực hiện được bài đọc tổng hợp các kiến thức đã học trên giọng C-dur

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Ôn lại các kiến thức đã học liên quan đến bài đọc

2.1.2. Thực hành kiểm tra bất kỳ các kiến thức đã học

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Ôn tập gam C - dur (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc giọng C- dur trong phạm vi đã học.

2.2.3. Sinh viên bốc thăm và đọc bài đọc nhạc trong phạm vi kiến thức đã học ở giọng C- dur

HỌC KỲ II

Bài 13

GIỌNG LA THỨ TỰ NHIÊN (a - moll)

1. Mục tiêu

- Người học nắm được đặc điểm cấu trúc và xử lý được bài đọc nhạc ở giọng a - moll tự nhiên.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Đặc điểm giọng a - moll tự nhiên

2.1.2. Hướng dẫn phân tích trên gam a - moll tự nhiên.

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam a- moll kết hợp với các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc giọng a - moll trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 14

CÁC QUÃNG RỘNG GIỌNG LA THỨ HÒA THANH

1. Mục tiêu

- Người học nắm hiểu và biết xử lý bài đọc nhạc có các quãng rộng

- Nắm được cấu trúc gam a - moll hòa thanh

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Các quãng rộng (quãng 5, quãng 6)

2.1.2. Hướng dẫn cách xử lý các quãng rộng trong nhịp 2/4, 3/4, 4/4.

2.1.3. Gam a - moll (hòa thanh, giai điệu).

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam a - moll hòa thanh kết hợp với các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc giọng a - moll hòa thanh trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 15

CÁC DẠNG CƠ BẢN CỦA TIẾT TẤU ĐƠN, KÉP

1. Mục tiêu

- Biết xử lý bài đọc nhạc có các dạng cơ bản của tiết tấu đơn, kép

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Các dạng cơ bản của tiết tấu đơn, kép (Tiết tấu đơn trước kép sau hoặc kép trước đơn sau)

2.1.2. Hướng dẫn cách xử lý tiết tấu đơn trước kép sau, kép trước đơn sau trong nhịp 2/4, 3/4, 4/4.

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam a- moll hòa thanh kết hợp với các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc giọng a- moll hòa thanh trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 16

NỐT ĐƠN CHẤM DÔI

1. Mục tiêu

- Người học hiểu và xử lý được bài đọc nhạc có tiết tấu đơn chấm đôi.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Nốt đơn chấm đôi (móc giật).

2.1.2. Hướng dẫn xử lý tiết tấu đơn chấm đôi trong nhịp 2/4, 3/4, 4/4

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam a- moll hòa thanh kết hợp với các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc giọng a - moll hòa thanh trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 17

ÔN TẬP

1. Mục tiêu

- Thực hiện được các bài đọc tổng hợp các kiến thức đã học (từ Tuần 13)

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Củng cố lại các dạng tiết tấu đã học đã học (từ tuần 16)

2.1.2. Thực hành kiểm tra bất kỳ các kiến thức đã học

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Ôn gam C - dur và a - moll (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc giọng C- dur và a- moll trong phạm vi đã học.

Bài 18

TIẾT TẤU CHÙM 3

1. Mục tiêu

- Người học hiểu và biết xử lý bài đọc nhạc có tiết tấu chùm 3 trong nhịp 2/4, 3/4, 4/4.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Tiết tấu chùm 3.

2.1.2. Hướng dẫn cách xử lý tiết tấu chùm 3 trong nhịp 2/4, 3/4, 4/4.

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam a moll tự nhiên và hòa thanh kết hợp thêm các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc giọng a - moll trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 19

NHIP 3/8

1. Mục tiêu

- Người học xử lý được giá trị phách của nhịp 3/8 trong các bài đọc nhạc.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Nhịp 3/8, giới thiệu một số âm hình tiết tấu cơ bản.

2.1.2. Hướng dẫn cách xử lý phách trong nhịp 3/8

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Ôn luyện gam C - dur và a- moll (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc ở giọng C- dur và a- moll trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 20

TIẾT TẤU ĐẢO PHÁCH, NGHỊCH PHÁCH

1. Mục tiêu

- Người học hiểu và biết xử lý bài đọc nhạc có tiết tấu đảo phách trong nhịp 2/4, 3/4, 4/4.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

- 2.1.1. Tiết tấu đảo phách, nghịch phách
- 2.1.2. Hướng dẫn cách xử lý tiết tấu đảo phách, nghịch phách trong nhịp 2/4, 3/4, 4/4.
- 2.2. Đọc nhạc
 - 2.2.1. Gam a moll kết hợp thêm các tiết tấu đã học (theo mẫu)
 - 2.2.2. Luyện bài đọc nhạc giọng a- moll trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 21

NHIP 6/8

1. Mục tiêu

- Người học xử lý được giá trị phách của nhịp 6/8 trong các bài đọc nhạc.

2. Nội dung

- 2.1. Lý thuyết
 - 2.1.1. Nhịp 6/8. Tiết tấu cơ bản
 - 2.1.2. Hướng dẫn cách xử lý phách trong nhịp 6/8
- 2.2. Đọc nhạc
 - 2.2.1. Ôn gam C - dur và a - moll (theo mẫu)
 - 2.2.2. Luyện bài đọc nhạc ở giọng C - dur và a - moll trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 22

ÔN TẬP

1. Mục tiêu

- Thực hiện được các bài đọc tổng hợp các kiến thức đã học

2. Nội dung

- 2.1. Lý thuyết
 - 2.1.1. Củng cố lại các dạng tiết tấu đã học đã học
 - 2.1.2. Thực hành kiểm tra bất kỳ các kiến thức đã học
- 2.2. Đọc nhạc
 - 2.2.1. Ôn tập gam C - dur và a - moll (theo mẫu)
 - 2.2.2. Luyện bài đọc nhạc giọng C - dur và a - moll trong phạm vi đã học.
 - 2.2.3. Thực hành kiểm tra.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học chuyên môn:** Phòng học tập thể (Cách âm)
- 2. Trang thiết bị máy móc:** Đàn Piano, bảng kẻ khuông nhạc
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Tập bài giảng Đọc ghi nhạc 1, các tài liệu tham khảo, vở chép nhạc, tẩy, bút chì..
- 4. Các điều kiện khác:**

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Kiến thức:** Đánh giá kiến thức cơ bản qua việc thực hành đọc nhạc trên lớp và ứng dụng vào chuyên ngành...

- **Kỹ năng:** Đánh giá kỹ năng của người học thông qua thực hành nghề

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức trong học tập và thực hành nghề.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học Đọc nhạc được sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng Biên đạo múa và các ngành đào tạo Diễn viên múa trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật tây bắc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình; vấn đáp; gợi mở

- Đối với người học: Tiếp thu, ghi nhớ kiến thức và vận dụng vào các môn học khác.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Chương trình đã cắt lọc tối đa vì vậy các bài học đều là kiến thức quan trọng với người học

4. Tài liệu tham khảo: Giáo trình giảng dạy ký xướng âm trình độ 1 của Học viện âm nhạc Quốc gia và một số tài liệu tham khảo khác.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

6. Quy trình hình thức thi; thời gian làm bài; điều kiện thi hết môn

- Hình thức thi: Thực hành

- Thời gian thi: 10 phút/ 01 người học (theo thứ tự danh sách thi).

- Điều kiện thi: Thực hiện theo Quy chế hiện hành.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Hình thức âm nhạc

Mã môn học: MH 08

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; Thực hành/thảo luận/ bài tập: 30 giờ và kiểm tra 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí: Hình thức âm nhạc là môn học kiến thức cơ sở ngành trong chương trình những môn bắt buộc đào tạo của ngành Biên đạo múa, trình độ cao đẳng... nhằm trang bị cho người học kiến thức hiểu biết về các hình thức và thể loại trong các tác phẩm âm nhạc, từ đó phục vụ cho người học trong việc sáng tác, biên đạo những tác phẩm, tiểu phẩm múa và biểu diễn nghệ thuật.

- Tính chất: Lý thuyết và thực hành phân tích các hình thức và thể loại tác phẩm âm nhạc

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Người học nắm được những nguyên tắc, phương pháp phân tích một tác phẩm âm nhạc đơn giản. Nhận biết cấu trúc và phân loại các hình thức một đoạn đơn, hai đoạn đơn, ba đoạn đơn... và tính chất một vài thể loại Âm nhạc phổ biến.

- Về kỹ năng: Cung cấp cho người học những căn cứ lý luận khoa học về cấu trúc, phương pháp diễn tả trong Âm nhạc.

- Về thái độ: Người học lên lớp nghiêm túc, làm bài tập theo sự hướng dẫn của giảng viên bộ môn, chuẩn bị tài liệu bài tập đầy đủ theo yêu cầu môn học, làm bài tập đầy đủ.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành thảo luận bài tập	Kiểm tra
1	Những nguyên tắc phân tích tác phẩm âm nhạc.	4	4	0	0
2	Phương pháp diễn tả cơ bản.	4	4	0	0
3	- Chủ đề âm nhạc và những nguyên tắc cấu tạo chính. - Hướng dẫn phân tích.	6	4	2	0
4	- Chức năng từng phần của hình thức âm nhạc - Hướng dẫn phân tích.	8	4	4	0

5	- Hình thức một đoạn đơn - Hướng dẫn phân tích.	10	3	6	1
6	- Hình thức hai đoạn đơn - Hướng dẫn phân tích.	12	4	8	0
7	- Hình thức ba đoạn đơn - Hướng dẫn phân tích.	16	4	10	2
	Cộng	60	27	30	3

1. Nội dung chi tiết:

Bài 1

HÌNH THỨC ÂM NHẠC NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG TRONG PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH TÁC PHẨM

1. Những nguyên tắc chung trong phương pháp PTTP âm nhạc

1.1. Đối tượng

1.2. Nguyên tắc chung khi PTTP

1.3. Phương pháp phân tích

2. Hình thức âm nhạc - Thể loại âm nhạc

2.1. Hình thức âm nhạc

2.2. Thể loại âm nhạc

Bài 2

NHỮNG PHƯƠNG PHÁP DIỄN TẢ CƠ BẢN

1. Những nhân tố cơ bản

1.1. Giai điệu.

1.2. Tiết tấu - tiết luật

1.3. Hoà thanh.

2. Những nhân tố khác

2.1. Nhịp độ.

2.2. Tốc độ

2.3. Lực độ

2.4. Âm vực - Âm khu

2.5. Âm sắc.

2.6. Cách cấu tạo

Bài 3

CHỦ ĐỀ ÂM NHẠC VÀ NHỮNG NGUYÊN TẮC CẤU TẠO CHÍNH

1. Chủ đề âm nhạc

- 1.1. Giới hạn của chủ đề
- 1.2. Khuôn khổ cấu tạo chủ đề
- 1.3. Các loại chủ đề
- 2. Những nguyên tắc cấu tạo chính**
- 2.1. Nguyên tắc nhắc lại
- 2.2. Nguyên tắc đổi mới âm điệu
- 2.3. Nguyên tắc tái hiện
- 3. Hướng dẫn phân tích**

Bài 4

CHỨC NĂNG TỪNG PHẦN CỦA HÌNH THỨC ÂM NHẠC

1. Khái niệm

- 1.1. Chức năng Lozic
- 1.2. Chức năng cấu trúc.
- 2. Chức năng từng phần.**
- 2.1. Mở đầu.
- 2.2. Trình bày.
- 2.3. Phần giữa.
- 2.4. Nối tiếp.
- 2.5. Tái hiện.
- 2.6. Phân kết.
- 3. Hướng dẫn phân tích**

Bài 5

HÌNH THỨC MỘT ĐOẠN ĐƠN

1. Sự phân chia trong hình thức âm nhạc

- 1.1. Ngắt
- 1.2. Đoạn lạc
- 1.3. Phần

2. Đoạn nhạc

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Chức năng
- 1.3. Các bộ phận của đoạn nhạc

3. Các dạng cấu trúc phổ biến.

- 3.1. Đoạn nhạc 2 câu với lối cấu trúc nhắc lại.
- 3.2. Đoạn nhạc 2 câu với lối cấu trúc không nhắc lại.
- 3.3. Đoạn nhạc gồm 3 câu

3.4. Đoạn nhạc không phân câu

3.5. Đoạn nhạc phức tạp

3.6. Ứng dụng

3. Những bổ xung thêm về cấu trúc.

1.1. Cấu trúc cân phương, vuông vắn và không cân phương.

1.2. Tính chu kỳ, tổng hợp và chia nhỏ trong cấu trúc.

4. Một vài dạng đoạn nhạc thường gặp trong dân ca người Việt.

4.1. Nhận xét chung.

4.2. Một vài dạng cấu trúc đoạn nhạc trong dân ca người Việt.

5. Hướng dẫn phân tích

- Kiểm tra lấy điểm.

Bài 6

HÌNH THỨC HAI ĐOẠN ĐƠN

1. Khái niệm chung.

1.1. Định nghĩa

1.2. Sơ đồ tổng thể

2. Các dạng cấu trúc

2.1. Hình thức hai đoạn đơn có tái hiện.

2.2. Hình thức hai đoạn đơn không có tái hiện.

2.3. Các phần phụ và sự nhắc lại các phần chính của hình thức hai đoạn đơn.

2.4. Ứng dụng

3. Hướng dẫn phân tích

Bài 7

HÌNH THỨC BA ĐOẠN ĐƠN

1. Khái niệm chung.

1.1. Định nghĩa.

1.2. Sơ đồ tổng thể

2. Cấu trúc từng phần của hình thức ba đoạn đơn

2.1. Phần trình bày

2.2. Phần giữa

2.3. Phần tái hiện

2.4. Các phần phụ và sự nhắc lại các phần chính của hình thức 3 đoạn đơn.

2.5. Đặc điểm riêng trong thanh nhạc

2.6. Ứng dụng của hình thức 3 đoạn đơn.

3. Hướng dẫn phân tích

- Kiểm tra lấy điểm kết thúc môn.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học tập thể (Cách âm)

2. Trang thiết bị máy móc: Đàn Piano, bảng kẻ khuông nhạc, máy nghe nhạc, băng đĩa nhạc.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập, Tài liệu tham khảo, vở chép nhạc, tẩy, bút chì...

4. Các điều kiện khác

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra, sinh viên trình bày được được những nguyên tắc, phương pháp phân tích một tác phẩm âm nhạc đơn giản. Nhận biết cấu trúc và phân loại các hình thức một đoạn đơn, hai đoạn đơn, ba đoạn đơn.. và tính chất một vài thể loại Âm nhạc phổ biến . Biết phân tích hình thức, thể loại các ca khúc Việt nam. Người học tiếp thu một cách sáng tạo, hướng tới việc cảm thụ âm nhạc, ứng dụng phù hợp phần âm nhạc vào biên đạo, sáng tác các tiểu phẩm, tác phẩm Múa.

- Kỹ năng: Đánh giá sinh viên thông qua các bài tập thực hành, kết quả bài thi., thảo luận trên lớp, bài tập về nhà... có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, có khả năng hoạt động nhóm. Biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tế phục vụ tốt cho chuyên môn.

- Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức để hoạt động độc lập hoặc theo nhóm trong học tập và thực hành nghề.

2. Phương pháp đánh giá:

- Theo quy chế của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

- Đánh giá Sinh viên bằng phương pháp cho điểm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Phân tích tác phẩm âm nhạc là môn học kiến thức cơ sở ngành trong đào tạo trình độ cao đẳng các ngành Thanh nhạc, Âm nhạc và ngành Biên đạo múa.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên/giảng viên: Thuyết trình; Vấn đáp; Gọi mở.

- Đối với người học: Rèn luyện và tích hợp kiến thức theo hướng người học chủ động và sáng tạo.

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

- Đào Ngọc Dung (2002), “*Phân tích tác phẩm âm nhạc*”, NXB GD - HN

- Trần Thanh Hà (2010), “*Hình thức âm nhạc*”, Nhạc viện TP Hồ Chí Minh

- Nguyễn Thị Nhung, “*Hình thức, Thể loại âm nhạc*”, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

- Nguyễn Thị Nhung (1996), “*Thể loại âm nhạc*”, NXB Âm nhạc, Hà Nội.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

6. Quy trình hình thức thi; thời gian làm bài thi; điều kiện thi hết môn

- Hình thức thi: Thi vấn đáp

* Yêu cầu: Sinh viên bốc thăm đề bài, nghe nhạc và phân tích nội dung bài nhạc (*hình thức thi bằng phương pháp luân phiên, nối tiếp theo thứ tự danh sách lớp học*).

- Thời gian thi: Không quá 15 phút/ sinh viên

- Điều kiện thi: Thực hiện theo Quy chế hiện hành.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Lí luận lịch sử múa

Mã môn học: MH 09

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (Lý thuyết: 41 giờ, thực hành bài tập 30 giờ, kiểm tra 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học thuộc phần kiến thức chuyên môn của chương trình. Môn lịch sử múa là nền tảng xuyên suốt quá trình học tập và rèn luyện trong toàn khóa học. Môn học này bổ trợ kiến thức cho sinh viên khi học các bài tập thực hành chuyên môn.

- Tính chất: Là môn học lý thuyết chuyên môn bắt buộc người học cần ghi nhớ những khái niệm cơ bản, có kỹ năng nhận biết, đánh giá, phân tích các nội dung về lịch sử về tác phẩm múa.

Là môn học được bố trí giảng dạy song song cùng các môn anh văn, tin học, đại cương và các môn học, mô đun đào tạo chuyên môn nghệ. Môn học giúp Sinh viên có được những kiến thức cơ bản, cần thiết về lịch sử và lý luận trong nghệ thuật Múa.

II. Mục tiêu môn học:

Môn học này nhằm giải quyết tổng quan về nghệ thuật múa. Quá trình hình thành cũng như phát triển của nghệ thuật múa

- Về kiến thức: Đây là môn học giúp học sinh nắm được cái khái niệm, lịch sử phát triển của nghệ thuật Múa, các đặc trưng, đặc điểm và các thể loại, hình thái nghệ thuật Múa. Qua đó giúp người học trang bị được lượng kiến thức bổ ích góp phần phát triển, phát huy khả năng biểu diễn thực hành và sáng tạo.

- Về kỹ năng: Qua môn học, sinh viên có thêm kỹ năng phân tích các tác phẩm múa và nắm được quá trình hình thành nghệ thuật Múa. Bổ sung vào quá trình sáng tạo biên đạo hay huấn luyện sau này.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng hoạt động độc lập hoặc theo nhóm trong học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành bài tập	Kiểm tra
1	Chương I: Nguồn gốc và sự hình thành nghệ thuật Múa. Bài 1: Nguồn gốc nghệ thuật Múa Bài 2 Các truyền thuyết thần thoại về nghệ thuật Múa. Bài 3: Truyền thuyết, thần thoại các dân tộc Việt Nam. Bài 4: Các học thuyết về nghệ thuật Múa.	75	9	6	1
2	Chương II: Hình thái nghệ thuật Múa. Bài 1: Hình thái múa dân gian. Bài 2: Đặc trưng nghệ thuật Múa.		12	12	1
3	Chương III: Mối quan hệ giữa các đặc trưng nghệ thuật Múa. Bài 1: Đặc trưng ngôn ngữ Múa. Bài 2: Đặc trưng tư duy hình tượng. Bài 3: Chức năng của ngôn ngữ múa Bài 4: Những yếu tố tạo nên hình tượng nghệ thuật. Bài 5: Các giai đoạn tư duy nghệ thuật.		20	12	2
Cộng		75	41	30	4

2. Nội dung chi tiết:

Chương I

Nguồn gốc và sự hình thành nghệ thuật Múa.

Mục tiêu: Nhằm giải quyết tổng quan về nghệ thuật Múa. Quá trình hình thành và phát triển

Bài 1: Nguồn gốc nghệ thuật Múa

Bài 2 Các truyền thuyết thần thoại về nghệ thuật Múa.

Bài 3: Thần thoại lưỡng hà về nghệ thuật Múa.

Bài 4: Truyền thuyết, thần thoại các dân tộc Việt Nam.

Bài 5: Các học thuyết về nghệ thuật Múa.

Chương II

Hình thái nghệ thuật Múa.

Bài 1: Hình thái múa dân gian.

Bài 2: Đặc trưng nghệ thuật Múa.

Bài 3: Đặc trưng cách điệu.

Bài 4: Đặc trưng tượng trưng.

Chương III

Mối quan hệ giữa các đặc trưng nghệ thuật Múa.

Bài 1: Đặc trưng ngôn ngữ Múa.

Bài 2: Đặc trưng tư duy hình tượng.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học.
2. Trang thiết bị máy móc: Đầu đĩa CD, VCD, Loa máy, màn chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Sách giáo khoa, tập bài giảng môn học.
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:
 - Về kiến thức: Được đánh giá kiến thức qua bài kiểm tra lý thuyết
 - Về kỹ năng: Nắm bắt và ghi nhớ các khái niệm quan trọng, các mốc phát triển, các đặc điểm, đặc trưng của nghệ thuật múa qua đó giúp phân tích tác phẩm múa một cách chính xác và có tính lý luận cao.
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên nhận thức đúng đắn về tư duy thẩm mỹ, về cái đẹp trong nghệ thuật, làm chủ ngòi bút..

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: *Dùng cho giảng dạy ngành biên đạo múa trình độ cao đẳng*
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
 - Đối với giáo viên, giảng viên: *Giáo viên sử dụng phương pháp lý thuyết, thảo luận bài tập.*
 - Đối với người học: *Lắng nghe, ghi chép, thực hiện theo giáo viên đã hướng dẫn.*

3. Những trọng tâm cần chú ý: Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

4. Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Bích, (1976), *Múa dân gian truyền thống người Việt*, Tạp chí nghiên cứu nghệ thuật số 3

- Lê Ngọc Canh (1997), *Khái luận nghệ thuật múa*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

- Lê Ngọc Canh, (1974), *Tìm hiểu ngôn ngữ múa*, Tạp chí văn nghệ quân đội số 8

- Phan Hữu Dật, (1973), *Cơ sở dân tộc học*, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội

- Cao Huy Đình, (1964), *Tìm hiểu thần thoại Ấn Độ*, Nxb Khoa học Hà Nội.

- Đỗ Bằng Đoàn - Nguyễn Trọng Huế , (1976), *Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt Nam*, Nxb Hoa Lư.

- Nguyễn Đình Khoa, (1976), *Các dân tộc ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội

- Đỗ Minh, (1975), *Bước đầu tìm hiểu ca nhạc dân gian Việt Bắc*. Nxb Việt Bắc. - V.Lenin, (1960), *Bàn về Văn hóa nghệ thuật*, Nxb sự thật Hà nội

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

6. Quy định hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi

- Hình thức thi: Thực hành

- Thời gian thi: 120 phút

- Điều kiện thi: Theo quy chế hiện hành

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Múa hiện đại

Mã môn học: MH 09

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ (Lý thuyết: 25 giờ; thực hành bài tập: 90 giờ và kiểm tra: 05 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học thuộc phần kiến thức chuyên môn, trình độ cao đẳng, ngành Diễn viên múa.

- Tính chất: Là môn học tích hợp, cung cấp những kiến thức và kỹ năng biểu diễn trong nghệ thuật Múa.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Rèn luyện kỹ năng cảm nhận, kiểm soát, cân bằng và sự chuyển động của cơ thể trong nhịp điệu và không gian...nhằm giải phóng cơ thể giúp cho người học:

+ Làm quen với lực tương tác

+ Các kỹ thuật lớn di chuyển trên mặt sàn

+ Có khả năng bắt chước và tư duy ngẫu hứng, sự nhạy bén về các kỹ thuật di chuyển trên mặt sàn, lực tương tác, hỗ trợ đầy đủ kiến thức cho các hệ thống múa khác được thuận lợi và có hiệu quả cao

- Về kỹ năng: Nhận biết, đánh giá, phân tích và diễn giải được ý đồ của ngôn ngữ múa khi kết hợp cùng âm nhạc mang hơi thở hiện đại; kỹ năng múa ngẫu hứng và bắt đầu làm việc với tư duy sáng tạo của học sinh

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Biết rõ vai trò và trách nhiệm của một diễn viên múa. Có khả năng hoạt động độc lập hoặc theo nhóm trong học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành bài tập	Kiểm tra
Học kỳ III		60	12	46	2
1	Giới thiệu, tìm hiểu về múa hiện đại Bước đầu giải phóng cơ thể		1		
2	Bài 1: - Khởi động phần cổ chân, ngón chân, đầu gối và khớp háng. - Thả lỏng cơ thể trên mặt sàn Bài 2: Cảm nhận sức nặng cơ thể		1	6	

3	Bài 3 : Đánh thức các cơ, gân và cảm giác từng bộ phận đến toàn bộ cơ thể	60	1	6	2
	Phần cơ bản				
4	Bài 4. Các tư thế (hình thể, tư thế đầu)		1	6	
5	Bài 5. Thế chuẩn bị và các thế chân (thẳng, mở)		2	6	
6	Bài 6. Các thế tay(thẳng, tròn)		2	6	
7	Bài 7. Phần cột sống		2	8	
8	Bài 8. Tập cho HS nghe và cảm nhận âm nhạc kết hợp với động tác cổ, vai, cánh tay, lưng		2	8	
	Học kỳ IV		60	13	
9	Bài 9. Phần bả vai và tay	60	2	7	3
10	Bài 10. Phần lưng		2	7	
11	Bài 11. Phần giãn cơ, đánh thức các cơ và gân		2	7	
12	Bài 12. Cho HS xem băng đĩa chương trình thi Tốt nghiệp.		2	7	
13	Bài 13. Phần ke		2	8	
14	Bài 14. Phần đá chân		3	8	
	Tổng:	120	15	90	5

2. Nội dung chi tiết:

HỌC KỲ III

Bước đầu giải phóng cơ thể

1. Mục tiêu: Sử dụng toàn bộ phần cơ bản trong hiện đại 1 trên cơ sở tăng cường tối đa trên nửa bàn chân, tiết tấu linh hoạt tăng cường kỹ thuật xoay chuyển tiếp và di chuyển không gian và luật động tập trung – tưởng tượng(Relaxing – Concentrating – Visualizing).

Giúp cho sinh viên hoàn thiện kỹ thuật, kỹ xảo, nâng cao tính thẩm mỹ và khả năng biểu cảm, rèn luyện và phát triển trọng tâm, sự ổn định cân bằng của cơ thể, làm quen với các dạng tour lent phối hợp với hoạt động của thân trên và tay. Tăng cường cơ bắp với các bài tập dài hơi, tạo sức bền bên trong của học

sinh khi thực hiện các dạng bài tập ở tiết tấu nhanh và thay đổi về mặt phương hướng. .

2. Nội dung bài:

Bài 1

- Khởi động phần cổ chân, ngón chân, đầu gối và khớp háng.
- Thả lỏng cơ thể trên mặt sàn

Bài 2

Cảm nhận sức nặng cơ thể

Kiểm soát cơ thể với mặt sàn

Cân bằng cơ thể trong trạng thái mất trọng lực

Tăng cường khả năng làm việc độc lập, sự nhạy bén, khả năng bắt chước và tư duy ngẫu hứng

Bài 3

Đánh thức các cơ, gân và cảm giác từng bộ phận đến toàn bộ cơ thể

Bài 4

Các tư thế (hình thể, tư thế đầu)

a. Đứng

b. Ngồi

c. Nằm

Các hướng đầu

a. Thẳng

b. Cạnh

c. Cúi

d. Ngửa

Bài 5

Thế chuẩn bị và các thế chân (thẳng, mở) (sử dụng một số thế chân ballet)

a. Thế một (I)

b. Thế hai (II) (song song)

c. Thế ba (III)

d. Thế bốn (IV)

Bài 6

Các thế tay (thẳng, tròn) (sử dụng một số tay ballet)

- a. Tư thế chuẩn bị
- b. Thế một (I)
- c. Thế hai (II)
- d. Thế ba (III)

Bài 7

Phần cột sống

- a. Cúi về đằng trước nửa lưng, cả lưng với chân thế hai (II) thẳng và plie
- b. Ngửa ra sau
- c. Nghiêng sang cạnh
- d. Nghe và kết hợp động tác với âm nhạc theo cảm nhận của cơ thể

Bài 8.

Tập cho Sinh viên nghe và cảm nhận âm nhạc kết hợp với động tác cổ, vai, cánh tay, lưng

HỌC KỲ IV

1. Mục tiêu: Giúp cho sinh viên phát triển hơn nữa về sức bật của cổ chân, rèn luyện sự phát triển của Ballon giữ lại ở trên không lâu hơn và sử dụng tiết tấu âm nhạc nhanh hơn, tạo cho động tác được nhảy và di chuyển xung quanh sàn rộng hơn.

Một số cách tiếp cận múa đôi và múa tập thể.

Bài 9

Phần bả vai và tay

- a. Xoay và quay bả vai, cuộn cổ tay
- b. Quăng tay

Bài 10

Phần lưng

- a. Port de bras trước cạnh sau, kết hợp với đầu, tay, chân.
- b. Dùng lưng để nhảy, quay, tạo đà đơn giản

Bài 11

Phần giãn cơ, đánh thức các cơ và gân

- a. Giãn cơ bả vai
- b. Giãn chéo người
- c. Giãn gập người
- d. Ép dẻo

Bài 12

Cho HS xem băng đĩa chương trình thi Tốt nghiệp.

Bài 13

Phần ke

- a. Ke thân trước (ke cơ bụng)
- b. Ke thân sau (ke cơ lưng)

Bài 14

Phần đá chân

- a. Các hướng trước, cạnh, sau
- b. Kết hợp với xoay lật
- c. Quay ngang di động
- d. Quay ngang di động kết hợp với nhảy
- e. Di chuyển cơ thể trong không gian
- g. Di chuyển cơ thể với thời gian

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: *Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho ngành biên Biên đạo múa, trình độ Cao đẳng.*

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: *giáo viên sử dụng phương pháp tích hợp, thực hành làm mẫu.*

- Đối với người học: *Lắng nghe, ghi chép, quan sát, thực hiện các động tác cơ bản theo giáo viên đã hướng dẫn.*

3. Tài liệu tham khảo:

- Lê Hải Minh. Hà Thái Sơn. *Chương trình chi tiết môn học múa đương đại hệ Cao đẳng diễn viên múa.*

- Trần Ly Ly. *Chương trình chi tiết môn học múa Hiện đại*

- Hà Thái Sơn. *Xây dựng chương trình múa Hiện đại trong các trường văn hóa nghệ thuật*

- Hà Thái Sơn: *Ứng dụng ngôn ngữ múa hiện đại trong sáng tác múa ở Việt Nam hiện nay.* Luận văn thạc sỹ.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

6. Quy định hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi

- Hình thức thi: Thực hành

- Thời gian thi: 30 phút

- Điều kiện thi: Theo quy chế hiện hành

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Kết cấu múa dân gian dân tộc

Mã môn học: MH 11

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; Thực hành bài tập: 30 giờ và kiểm tra 03 giờ)

I. Vị trí tính chất môn học.

- Vị trí. Là cơ sở và nền tảng cho ngành biên đạo. Bắt buộc sinh viên phải nắm vững kiến thức cơ bản, toàn bộ hệ thống phong phú và đa dạng của múa dân gian dân tộc Việt Nam trong chương trình.

- Tính chất. Nhằm nâng cao sự linh hoạt và vận dụng nhuần nhuyễn, linh hoạt các động tác vào tác phẩm nghệ thuật bằng những kiến thức đã được học với tính thẩm mỹ cao.

II. Mục tiêu môn học.

- Về kiến thức: Chuẩn bị chung cho sự phát triển động tác, đội hình, đến sự phối hợp hài hòa toàn thân, bước đầu tạo nên phong cách dáng nét trong múa dân tộc.

Giúp sinh viên hiểu biết về phong tục tập quán, luật động tác múa cơ bản của các dân tộc.

- Về kỹ năng: Vận dụng vào môn học và thực hành mô đun múa dân gian dân tộc vào các tác phẩm biểu diễn để có những hiểu biết đúng đắn, sâu sắc về nghề nghiệp.

Giúp cho sinh viên có kỹ năng thực hiện tốt những kỹ thuật, kỹ xảo của múa dân gian.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có trách nhiệm lưu giữ những giá trị lịch sử văn hóa xã hội làm nên những giá trị nghệ thuật qua từng giai đoạn, sinh viên cần nắm vững để vận dụng kiến thức đã học, thể hiện một cách sáng tạo vào tác phẩm mà mình sáng tác.

III. Nội dung môn học.

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian.

Stt	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành bài tập	Kiểm tra
1	Phần 1: Khái niệm về kết cấu múa dân gian dân tộc Phần 2: Phương pháp kết cấu múa dân gian dân tộc Bài 1: Kết cấu múa solo Bài 2: Kết cấu múa Duo Bài 3: Kết cấu múa Trio Bài 4: Kết cấu múa tập thể Bài 6: Phân tích kết cấu âm nhạc, xây dựng tác phẩm múa.	60	27	30	
Cộng		60	27	30	3

2. Nội dung chi tiết:

HỌC KỲ I

Phần 1: Khái niệm về kết cấu múa Dân gian dân tộc

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu được một số khái niệm về kết cấu múa dân gian dân tộc, sự tồn tại và phát triển của múa dân gian dân tộc, các dạng múa dân gian dân tộc.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa múa

2.2. Sự tồn tại và phát triển của múa dân gian dân tộc.

2.3. Khái niệm kết cấu múa dân gian dân tộc.

2.4. Các dạng kết cấu múa dân gian dân tộc.

Phần 2: Phương pháp kết cấu múa dân gian dân tộc.

1. Mục tiêu

- Sinh viên biết được các phương pháp kết cấu múa khác nhau: solo, duo; trio, tập thể...

- Biết phân tích kết cấu âm nhạc, xây dựng tác phẩm múa.

2. Nội dung

Bài 1: Kết cấu múa solo

Bài 2: Kết cấu múa Duo

Bài 3: Kết cấu múa Trio

Bài 4: Kết cấu múa tập thể

Bài 5: Phân tích kết cấu âm nhạc, xây dựng tác phẩm múa solo, duo, trio, tập thể.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Sàn múa mặt sàn bằng gỗ, đủ ánh sáng, thoáng mát, đảm bảo an toàn cho giáo viên và sinh viên.

2. Trang thiết bị máy móc: Đài đĩa, máy vi tính có kết nối Internet, loa.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Video clip, sách, báo, tài liệu khoa học
- Giày múa và các đạo cụ có liên quan đến học phần

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên nắm bắt được các phương pháp kết hợp và phát triển múa dân gian dân tộc.

- Về kỹ năng: Có kỹ năng kết cấu, phát triển ngôn ngữ, đội hình, tiết tấu.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: khả năng vận dụng những kiến thức đã học để xây dựng bài tập.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: *Dùng cho giảng dạy bộ môn kết cấu múa dân gian dân tộc ngành Biên đạo trình độ Cao đẳng*

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: *Giáo viên sử dụng phương pháp tích hợp, thực hành làm mẫu.*

- Đối với người học: *Lắng nghe, ghi chép, quan sát, thực hiện các động tác cơ bản theo giáo viên đã hướng dẫn.*

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải lưu ý những nội dung sau để áp dụng, cũng như đánh giá khả năng học tập của từng đối tượng vì đặc điểm lớp học múa có những vấn đề về: Độ tuổi; Dân tộc; Văn hóa vùng miền; ... cũng như cần chuẩn bị đầy đủ các điều kiện tốt nhất để thực hiện bài học nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

Khả năng tìm hiểu, sáng tạo, ứng dụng vào các hình tượng nghệ thuật.

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình múa dân gian dân tộc.
 - Các băng đĩa hình múa trong và ngoài nước.
5. Ghi chú và giải thích (nếu có):
6. Quy định hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi
- Hình thức thi: Thực hành
 - Thời gian thi: 45 phút
 - Điều kiện thi: Theo quy chế hiện hành

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Kết cấu múa cổ điển Châu Âu

Mã môn học: MH 12

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; Thực hành có hướng dẫn: 30 giờ và kiểm tra 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là môn học thuộc phần kiến thức chuyên ngành của ngành Biên đạo múa trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Đây là môn học giúp cho sinh viên biết cách xây dựng các tổ hợp động tác và bài tập, những kỹ năng nhận biết, đánh giá, phân tích, và biết thể hiện ngôn ngữ, động tác múa khi kết hợp cùng âm nhạc.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Sinh viên biết được các phương pháp kết hợp và phát triển múa cổ điển châu Âu, hỗ trợ cho sinh viên học tốt môn Biên đạo múa. biết vận dụng những kiến thức đã học để xây dựng bài tập.

- Về kỹ năng: Có kỹ năng kết cấu, phát triển ngôn ngữ, đội hình, tiết tấu vận dụng những kiến thức đã học để xây dựng bài tập.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng hoạt động độc lập hoặc theo nhóm trong học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành bài tập	Kiểm tra
	Phần 1: Khái niệm về kết cấu múa cổ điển châu Âu Phần 2: Phương pháp kết cấu múa cổ điển châu Âu. Bài 1: Kết cấu múa solo Bài 2: Kết cấu múa Duo Bài 3: Kết cấu động tác với kỹ thuật, kỹ xảo, bê đỡ. Bài 4: Kết cấu múa Trio Bài 5: Kết cấu múa tập thể Bài 6: Phân tích kết cấu âm nhạc, xây dựng tác phẩm múa		27	30	3
	Cộng	60	27	30	3

2. Nội dung chi tiết:

HỌC KỲ II

Phần 1: Khái niệm về kết cấu múa cổ điển châu Âu

1. Mục tiêu: Sinh viên hiểu được một số khái niệm về kết cấu múa cổ điển châu Âu, sự tồn tại và phát triển của múa cổ điển châu Âu, các dạng múa cổ điển châu Âu.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa múa

2.2. Sự tồn tại và phát triển của múa cổ điển châu Âu.

2.3. Khái niệm kết cấu múa cổ điển châu Âu

2.4. Các dạng kết cấu múa cổ điển châu Âu

Phần 2: Phương pháp kết cấu múa cổ điển châu Âu.

1. Mục tiêu: Sinh viên biết được các phương pháp kết cấu múa khác nhau: solo, duo; trio, tập thể...

- Biết phân tích kết cấu âm nhạc, xây dựng tác phẩm múa.

2. Nội dung

Bài 1: Kết cấu múa solo

Bài 2: Kết cấu múa Duo

Bài 3: Kết cấu động tác với kỹ thuật, kỹ xảo, bê đỡ.

Bài 4: Kết cấu múa Trio

Bài 5: Kết cấu múa tập thể

Bài 6: Phân tích kết cấu âm nhạc, xây dựng tác phẩm múa.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Sàn múa mặt sàn bằng gỗ, đủ ánh sáng, thoáng mát về, đảm bảo an toàn cho giáo viên và sinh viên.

2. Trang thiết bị máy móc: Đài đĩa, máy vi tính có kết nối Internet, loa.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Biểu đồ so sánh, video clip, sách, báo, tài liệu khoa học

- Giày múa và các đạo cụ có liên quan đến học phần

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên nắm bắt được các phương pháp kết hợp và phát triển múa dân gian dân tộc.

- Về kỹ năng: Có kỹ năng kết cấu, phát triển ngôn ngữ, đội hình, tiết tấu.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Khả năng vận dụng những kiến thức đã học để xây dựng bài tập.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: *Dùng cho giảng dạy bộ môn kết cấu múa cổ điển châu Âu ngành Biên đạo trình độ Cao đẳng*

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: *Giáo viên sử dụng phương pháp tích hợp, thực hành làm mẫu.*

- Đối với người học: *Lắng nghe, ghi chép, quan sát, thực hiện các động tác cơ bản theo giáo viên đã hướng dẫn.*

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải lưu ý những nội dung sau để áp dụng, cũng như đánh giá khả năng học tập của từng đối tượng vì đặc điểm lớp học múa có những vấn đề về: Độ tuổi; Dân tộc; Văn hóa vùng miền; ... cũng như cần chuẩn bị đầy đủ các điều kiện tốt nhất để thực hiện bài học nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

Khả năng tìm hiểu, sáng tạo, ứng dụng vào các hình tượng nghệ thuật.

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình múa cổ điển Châu Âu.
- Các băng đĩa hình múa trong và ngoài nước.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

6. Quy định hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi

- Hình thức thi: Thực hành
- Thời gian thi: 30 phút
- Điều kiện thi: Theo quy chế hiện hành

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Múa cổ điển Châu Âu

Mã môn học: MH 13

Thời gian thực hiện môn học: 360 giờ (Lý thuyết: 164 giờ; Thực hành bài tập: 180 giờ và kiểm tra 16 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học thuộc phần kiến thức chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành Biên đạo múa.

- Tính chất: Là môn học dùng khả năng bắt trước và phát triển năng khiếu có kỹ năng biết thể hiện ngôn ngữ múa khi kết hợp cùng âm nhạc, góp phần hình thành ở sinh viên cảm nhận rõ hơn về âm nhạc trong nghệ thuật Múa.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức: Môn múa cổ điển Châu Âu là một loại hình nghệ thuật có tính chuyên nghiệp, hàn lâm, sang trọng, quý phái trong phong cách biểu diễn, là di sản văn hóa chung của nhân loại, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của hệ thống múa cổ điển Châu Âu, thông qua những động tác, những bài tập vịn giống, ngoài giống và Allegro được kết cấu một cách khoa học, rèn luyện độ mở, độ mềm dẻo, sức bật, kỹ thuật bay nhảy, độ linh hoạt của đôi chân...nhằm giúp cho người học tiếp thu:

Sự ổn định cân bằng của cơ thể

Tư thế đứng hai tay vịn giống

Độ mềm, dẻo của cơ thể, độ mở, độ duỗi, tính đàn hồi của đôi chân, sự kết hợp nhẹ nhàng, bay bổng của đôi tay

Giúp sinh viên có một số kiến thức khái quát về các động tác, hình thức múa cơ bản trong nghệ thuật múa, sinh viên cảm thụ, hiểu và phân tích được những đặc điểm chính về phong cách múa cổ điển Châu Âu.

- Về kỹ năng: Có khả năng về kỹ thuật, kỹ xảo múa cổ điển Châu Âu, để bổ trợ kiến thức cho các hệ thống sáng tác múa được thuận lợi và có hiệu quả cao đặc biệt trong các tác phẩm múa dân gian dân tộc trên sân khấu hiện nay.

Các nội dung được thực hiện thông qua việc huấn luyện động tác nhuần nhuyễn điều luyện, việc kết hợp hài hòa trong các bài tập, tổ hợp ngắn, để thực hiện các hình thức múa solo, Duo, Trio và các vở kịch múa.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Biết rõ vai trò và trách nhiệm của một biên đạo múa có trách nhiệm lưu giữ những giá trị lịch sử văn hóa xã hội

làm nên những giá trị nghệ thuật qua từng giai đoạn, sinh viên cần nắm vững để vận dụng kiến thức đã học, thể hiện một cách sáng tạo vào tác phẩm mà mình trình diễn.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành Thảo luận	Kiểm tra
1	Học kỳ I	90	41	45	4
	1. Ý nghĩa môn học		3	0	4
	2. Khởi động - GP cơ thể		4	8	
	3. Bài tập - động tác trong gióng		16	18	
	4. Bài tập - động tác giữa sàn		14	12	
	5. Allegro – Nhảy nhỏ		4	7	
2	Học kỳ II	90	41	45	4
	1. Khởi động		4	4	4
	2. Bài tập - động tác trong gióng		15	15	
	3. Bài tập - động tác giữa sàn		16	14	
	4. Allegro		6	12	
3	Học kỳ III	90	41	45	4
	1. Khởi động		2	3	4
	2. Bài tập-động tác trong gióng		14	10	
	3. Bài tập - động tác giữa sàn		14	10	
	4. Pirouet		6	10	
	5. Allegro		5	12	
4	Học kỳ IV	90	41	45	4
	1. Bài tập-động tác trong gióng		8	4	4
	2. Bài tập - động tác giữa sàn		10	10	
	3. Pirouet	90	9	8	
	4. Allegro		8	8	
	5. XD chương trình thi hết môn		6	15	
	Tổng	360	164	180	16

2. Nội dung chi tiết:

HỌC KỲ I

1. Mục tiêu

- Cho sinh viên nắm được tính chất của môn múa cổ điển, đồng thời hiểu rõ nguồn gốc và yêu cầu của môn học.

- Khởi động cho cơ thể mềm, mở nhằm giải phóng hình thể, phát triển các cơ bắp và luyện sức dẻo dai.

- Sinh viên nắm vững được các tư thế, phong cách đúng phù hợp với múa. Giải thích cho sinh viên biết các vị trí chân, tay, đầu và các hướng, độ mở của cơ thể ...

- Chú ý nhiều hơn tới độ mềm mại trong động tác, sự kết hợp của hơi thở giữa chân và tay cùng tạo nên những thế tạo hình cơ bản ban đầu của môn học. Sự hài hòa khi kết hợp trong động tác.

2. Nội dung

Tuần 1:

- Khởi động làm mềm cơ thể.
- Demi plié ở vị trí chân I, II.
- Battement Tendu trước sau.
- Rond de Jambe par terre endehors.
- Releve' ở vị trí chân I, II.
- Passés par terre.

Tuần 2:

- Port de bras I và II ngoài gióng.
- Vị trí chân IV, V.
- Port de bras (uốn lưng) đằng sau và bên cạnh.
- Battement Tendu jete cạnh, trước, sau với độ cao 25°.
- Éspaulement croisée và efface ở vị trí V.
- Vị trí chân sur le cou de pied trước và sau.

Tuần 3:

- Rond de jambe terre en dedans.
- Demi plié T4, T5 với 2 tay bám gióng.
- Tư thế Éspaulement croisée và efface.
- Battement Fondu với 2 tay bám gióng và tư thế chân chạm sàn.
- Battement Frappé với 2 tay bám gióng và tư thế chân chạm sàn.

Tuần 4:

- Grand plié thế I, II, V.

- Releve' T5.
- Demi plié ét rond de jambe par terre en dehors và en dedans.
- Các Arabesque I, II, III với chân chạm sàn – ngoài gióng.

Tuần 5:

- Port de bras III – ngoài gióng.
- Temps levé saute' các tư thế I, II với tay bám gióng.
- Grand plié T4.
- Battement Frappé với 1 tay bám gióng và tư thế chân chạm sàn kết thúc với dáng nhỏ.
- Battement retire'.
- Port de bras I, II, III kết hợp với các bài khởi động và động tác demi plié ở các tư thế.

Tuần 6:

- Petit pas échappé' từ T1 và T5 ra T2 và về T1, T5.
- Battement Tendu từ T1 hướng en face với mũi chân chạm sàn ngoài gióng.
- Battement Fondu với độ cao 25° và 45°.
- Battement Releve' lent với độ cao 25° và 45°.
- Pas de bourre' với 2 tay bám gióng en dehors và en dedans.
- Batt. Developpe 45° với 2 tay bám gióng.

Tuần 7:

- Grand Batt. Jete trong gióng.
- Battement Developpe và Releve' lent 45° với 1 tay bám gióng.
- Releve' I, II, V ngoài gióng.
- Temps lie par terre en dehors.
- Pas balance' với 2 tay bám gióng.

Tuần 8:

- Pas sauté.
- Petit changement de pied.
- Pas de bourré.
- Hệ thống các động tác đã học và dựng bài tập.

Tuần 9:

- Pas assemble bên cạnh với 2 tay bám gióng.
- Petit changement de pied.
- Sissonne' Ferme' trong gióng.
- Batt. Fondu với độ cao 45°.

Tuần 10:

- Battement Developpe và Releve lent 45°.
- Sissonne' simple.
- Pas de bourre ngoài giống.
- Battement tendu với demi plié chân trụ.
- Battement tendu Jete' với móc duỗi bàn chân ở độ cao 25°.

Tuần 11:

- Battement tendu Jete' pointe' về các hướng.
- Battement frappe' với releve và plié chân trụ ở độ cao 25°.
- Releve lents với độ cao 90°.
- Pas balance'.

Tuần 12:

- Sissonne fecmer bên cạnh.
- Arabesques 4.
- Battement developpe' 90°.
- Battement Soutenus với demi plié và releve chân trụ.
- Petit Batttement sur-le-cou-de-pie.

Tuần 13:

- Temp lile kết hợp với port de bras.
- Battement foudu 90°.
- Battement Releve lent với độ cao 45° (ngoài giống).

Tuần 14:

- Battement tendu kết hợp với các tư thế croise, enface và các arabesques.
- Developpe ngoài giống.
- Battement soutenu en tour nant ½ vòng với một tay bám giống.

Tuần 15:

- Sissonne ngoài giống.
- Pas glissade có đôi chân và không đôi chân bên cạnh.
- Ronds de jambe en lair ở 45°.
- Perparation pirouette từ T1 và T2.
- Demi rond et grand rond en dehors và en de dans 90° trong giống.
- Double fondu ở độ cao 45°.
- Ôn thi kết thúc học phần 1

HỌC KỲ II

1. Mục tiêu

- Phát triển sức chân và đứng được trên releve ở một số bài tập động tác cơ bản đơn giản.

- Sinh viên bước đầu thực hiện được các động tác nổi đơn giản giữa các động tác trong bài tập.

2. Nội dung

Tuần 1

- Developpe và releve lent với demi rond trên 1/2 bàn chân trụ trong gióng.

- Pas glissade về các hướng các tư thế.

- Pas échappe từ T5 ra T2 kết thúc trên một chân còn chân kia vào surle coudepied.

- Pas échappe ra T4 Crorsée và effacée.

- Pas balonné tại chỗ trong gióng.

Tuần 2:

- Grand changement de pie tại chỗ.

- Adajo với các poss nhỏ.

- Pas glissade về trước và sau.

- Grand rond 45° ngoài gióng.

- Grand Battement jete kết hợp với pointe.

- Double frappe.

Tuần 3:

- Battement releve lent và developpe' ở độ cao 90° ngoài gióng.

- Sissonne' ouvert trong gióng.

- Pas jete với 2 tay bám gióng.

- Soutenus 1/2 vòng ngoài gióng.

- Double fondu 45° ngoài gióng.

Tuần 4:

- Tìm trọng tâm trên 1/2 bàn chân trụ.

- Preparation de tour T4.

- Tour pirouette T1 và T5.

- Batt. Doubles frappe' 1/2 ở các hướng en face; croisée; efface; ecarté.

- Pas assemblé di động và kết thúc trên tư thế nhỏ - Sissonne' simple en tournant 1/2 vòng.

Tuần 5:

- Battement Frappe' luyện trong các tư thế croise, efface và ecartee' trong gióng với chân trên mặt sàn kết hợp chân trụ plié.
- Rond dejamble en lair trên 1/2 bàn chân.
- Battement Tendu en tour nant 1/8 vòng và 1/4 vòng.

Tuần 6:

- Rond de jambe par terre en dehors và en dedans 1/8 vòng và 1/4 vòng với một tay bám gióng.
- Par debasque.
- Soutenu 1 vòng ở T5 en dehors và en dedans với một tay bám gióng.

Tuần 7:

- Sissonne' Ouvert 45° về các hướng trước, cạnh, sau.
- Par jete'.
- Tombe' tại chỗ và di động.

Tuần 8:

- Par emboite'.
- Battement Jete en tour nant 1/8 vòng.
- Kiểm tra giữa kỳ.

Tuần 9:

- Demi rond de jambe developpe' với chân trụ trên releve.
- Preparation de tour T2 và T5 trong gióng.
- Battement Fondu kết hợp với plié, releve chân trụ, chân động kết hợp demi rond.

Tuần 10:

- Developpe' ballotte' 90°.
- Port de bras IV, V.
- Pas echappe' en tournant 1/8 vòng, 1/4 vòng.

Tuần 11:

- Battement Releve lent và Developpe' 90° kết hợp với tour lents.
- Temps levé trên một chân.
- Changement de pieds en tournant 1/2 vòng.

Tuần 12:

- Pas glissade ở croise, efface và ecartee' với các pos nhỏ.
- Battement Double Frappe' trong các tư thế croise, efface và ecartee'.
- Pas de bourre' ballotte' 45° ra các hướng croise, efface.

Tuần 13:

- Gand rond de jambe ở độ cao 90° trên cả bàn chân.
- Changement de pied en tournant 1/2 vòng.
- Battement Soutenu en tournant 1 vòng với chân động ở độ cao 90° từ các hướng.

Tuần 14:

- Rond de jambe par terre en dehors và en dedans 1/8 vòng và 1/4 vòng ngoài giống.
- Port de bras VI.
- Các bài tập động tác kết hợp với releve' plié và kết thúc ở các tư thế arabetques 45°.

Tuần 15:

- Dựng bài thi và ôn tập

HỌC KỲ III

1. Mục tiêu

- Cổ chân chắc chắn chuẩn bị cho phân quay. Chân, tay tạo được sự hài hòa khi thực hiện các động tác ở độ cao 90°, thực hiện được các động tác ở ngoài giống với releve bằng hai chân.
- Giới thiệu và hướng dẫn thực hiện chuẩn xác một số kỹ thuật quay và sự chuyển đổi tư thế lớn trong khi xoay với Grand rond.
- Khả năng thực hiện động tác với những kỹ thuật lớn bắt đầu hình thành phong cách múa.

2. Nội dung

Tuần 1:

- Khởi động làm mềm cơ thể.
- Pas jeve về các hướng từ các tư thế nhỏ.
- Pas ballonne' di động về các hướng ở các tư thế nhỏ.
- Sissonne tombe' cạnh.
- Tour pirouette' T5 en dehors.

Tuần 2:

- Pas chasse' về các hướng.
- Tìm trọng tâm trên 1/2 bàn chân trụ.
- Preparation de tour T4.
- Tour pirouette T1 và T5.

- Battement Doubles frappe' 1/2 ở các hướng en face; croisée; efface; ecarté.

- Pas assemblé di động và kết thúc trên tư thế nhỏ - Sissonne' simple en tournant 1/2 vòng.

Tuần 3:

- Preparation de tour T2 và T5 ngoài gióng.

- Grand roud de jable developpe' en dehors và dedans ngoài gióng.

- Battements fondu và double battement fondu kết hợp với plié - releve' hoặc demi rond ... ở các hướng và tư thế.

- Posse attitude trước và sau 90°.

Tuần 4:

- Fic flac.

- Echappe' en tournant 1/4 vòng và 1/2 vòng.

- Developpe' ballette' 90°.

- Echappe' battu.

Tuần 5:

- Sissone tombe.

- Royale.

- Battement tendu và Battement tendus jete en tournant endehors và endedans 1/4 vòng.

- Rond de jambe pas terre en de hous và en dedans 1/4 vòng.

- Pas de bourre' de ssus de sous.

Tuần 6:

- Grands battement jete pointe và balancois (1 nhíp 3/4).

- Fouette' en de hous và en dedans 1/8 vòng ở độ cao 90° và 1/4 vòng ở độ cao 45°.

- Preparation de tour T4.

- Pas faili.

- Roud de jambe par terre endehors và en dedans 1/2 vòng.

Tuần 7:

- Grand rond de jambe endehors en dedans ở độ cao 90° trên 1/2 bàn chân (trụ) – trong gióng.

- Pas de bourre' ballotte' ở độ cao 90°.

- Tour chaine' 4 vòng theo đường chéo.

- Battement fondu tompe' trước, sau 90°.

- Temps releve de tour ở độ cao trên 45° endehors et en dedans.

Tuần 8:

- Passe' en tournant về tư thế 90° endehors et endedans.
- Entrechat – quatre.
- Grand pas jete' về các hướng.
- Tombe temps leve' trước effacée – croisée.
- Kiểm tra giữa kỳ.

Tuần 9:

- Pirouette 2 vòng từ T2 – T4 – T5.
- Grand temp lise bước chuyển trên $1/2$ bàn chân.
- Petit pas de chat.
- Assemble 45° di động.
- Double battement fondu 90° .

Tuần 10:

- Double battement frappe' en tournant $1/4$ vòng – $1/2$ vòng.
- Plic – fac en tournant endehors et dedans.
- Soutenu en tournant 2 vòng.
- Releve lent 90° với chân trụ $1/2$ bàn chân.
- Demi và grand rond de jambe developpe trên 90° với bàn chân trụ releve

Tuần 11:

- Arabesques I, II kết hợp pors de bras về trước 90° .
- Preparation de tour surle coudde pie T5 $1/2$ vòng.
- Vòng xoay Fouette từ tư thế này sang tư thế khác en dehors et en dedans trên tất cả bàn chân và $1/2$ bàn chân 90° với $1/2$ vòng.

- Pas Jete' battu

Tuần 12:

- Assemble' battu.
- Grand assemble' trong các tư thế en facé – croisée ... với các động tác hỗ trợ và các bước nhảy coupe', pasde bourree', glicssade ...
- Rond de jambe enlair 90° endehors et endedans trên $1/2$ bàn chân.
- Brise' trước.
- Sissonne tombe'.

Tuần 13:

- Preparation detour với chân động ở vị trí coupé trước, sau 4 – 8 vòng.
- Rond de jambe' en lair jete'.

- Cabriole 45° sau và trước với một tay bám gióng.
- Temps leve' saute' trên độ cao 90°.
- Grand pas ballotté.

Tuần 14:

- Sissone feme' fondu 90°.
- Brise' sau.
- Temps leve' saute' en tournant với 1/2 vòng en dehors et endedans.
- Sissone ouverte tournant về mọi hướng với các poss.

Tuần 15:

- Dựng bài thi và ôn tập.

HỌC KỲ IV

1. Mục tiêu

- Nắm bắt và hiểu được các tư thế, kỹ thuật quay, độ bay trong động tác và các bước nhảy lớn.

- Thực hiện thuần thục được một số kỹ thuật động tác, phù hợp với yêu cầu của năm học. Bắt đầu học các động tác sân khấu hóa, tính chất biểu diễn trong các tổ hợp động tác.

- Khả năng ứng dụng động tác của môn học để kết cấu thực hành nghệ

2. Nội dung

Tuần 1:

- Ôn tập.
- Luyện sức chân, độ xé xoạc, độ bay trong các bài tập động tác.
- Renvese' SK – bước coupe'.
- Tour chaine' 16 vòng theo đường chéo.

Tuần 2:

- Grand preparation de tour T5.
- Grand temps releve de tours endehors et en dedans với nhịp 2/4.
- Renvese' croise' endehors et endedans từ các tư thế khác nhau.

Tuần 3:

- Double roud de jambe en lens 90° trên 1/2 bàn chân.
- Ôn luyện sức chân và độ mở.

Tuần 4:

- Preparatinon detour 90° (arabesque - attitude - alaseconde ...)
- Pirouette fourette 4 - 8 vòng.
- Grand pors de bras ở các pors lớn 90° trên releve chân trụ.

Tuần 5:

- Flíc – flac en tournant ngoài gióng (từ poss này sang poss khác).
- Pas ballotte' 45° (double) theo tiết tấu âm nhạc.
- Pas ballotte' 90°.
- Bisse' dessus – de sous.

Tuần 6:

- Fouette 45° endehors 8 vòng ngoài gióng.
- Tour lớn ở các arabesques 1 và 3 endehors et en dedans (1 – 2 vòng).
- Tour chaine 16 vòng theo vòng cung.

Tuần 7:

- Chaine' coupe' 8 vòng.
- Grand assemble' en tournant 1 vòng có battu.

Tuần 8:

- Tour từ các tư thế khác nhau 90° từ pors này sang pors khác.
- Tour tire bouchon en dehors và kết thúc ở poss độ cao 90°.
- Ôn và kiểm tra giữa kỳ.

Tuần 9:

- Grand sisonne ouvets về arabatques 1 và 3.
- Grand fouettes soute en tournant 1/2 vòng.
- Dụng bài tập thi hết môn phần ngoài gióng.

Tuần 10:

- Grand battement jete' kiễng gót chân trụ về các hướng.
- Cabrione ngoài gióng (batu) 45°.
- Pas jette' entrelace'.

Tuần 11:

- Dụng bài tập thi hết môn phần nhảy nhỏ + nhảy lớn.
- Cablione ngoài gióng 90° trước – sau.
- Grand assemble en tournant 1 vòng.

Tuần 12:

- Dụng phần bài tập thi hết môn phần trong gióng.
- Grand sissnone ouvette 90°.
- Grand sissnone ouvette en de hours et en dedans 1/2 vòng.

Tuần 13:

- Ôn và chỉnh sửa động tác + bài tập.
- Dụng bài tập thi phần mở màn

Tuần 14:

- Dựng bài tập thi nhảy trung + coda.
- Pas ballone' en tournant theo đường chéo – thẳng 1/2 vòng.

Tuần 15:

- Chỉnh sửa bài thi và ôn luyện.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Sàn múa mặt bằng gỗ sạch sẽ, có đầy đủ gương, gióng.

2. Trang thiết bị máy móc: Đàn Piano, loa, đài, máy chiếu, màn chiếu, 01 bộ bàn ghế cho giảng viên, gương soi, gióng, có hệ thống đèn và quạt.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Video clip, sách, báo, tài liệu khoa học
- Giày múa, đồ tập và các đạo cụ có liên quan đến học phần.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua quá trình học tập trên lớp, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đạt được yêu cầu:

- + Nắm được các kỹ thuật cơ bản của môn học
- + Phương pháp thực hành luyện tập
- + Hiểu được ngôn ngữ động tác, tác phẩm múa mà mình trình bày

- Kỹ năng: Thông qua việc học sinh thực hiện các bài tập thực hành, bài kiểm tra, bài thi, để đánh giá kỹ năng:

- + Thực hiện các kỹ thuật động tác cơ bản
- + Thuộc bài, xử lý bài
- + Có sự sáng tạo

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá thông qua việc nhận thức tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập cầu tiến, tự học hỏi.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: *Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho ngành Biên đạo múa trình độ Cao đẳng.*

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: *Giáo viên sử dụng phương pháp tích hợp, thực hành làm mẫu.*

- Đối với người học: *Lắng nghe, ghi chép, quan sát, thực hiện các động tác cơ bản theo giáo viên đã hướng dẫn.*

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải lưu ý những nội dung sau để áp dụng, cũng như đánh giá khả năng học tập của từng đối tượng vì đặc điểm lớp học múa có những vấn đề về: Độ tuổi; Dân tộc; Văn hóa vùng miền; ... cũng như cần chuẩn bị đầy đủ các điều kiện tốt nhất để thực hiện bài học nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy

4. Tài liệu tham khảo :

+ Giáo trình chính

- (2006), *Chương trình chi tiết môn học múa cổ điển Châu Âu cho nghệ thuật biểu diễn dân gian dân tộc, hệ 4 năm* - Hà nội

- (1977). *Múa cổ điển Châu Âu dành cho diễn viên kịch múa hệ 8 năm*, Bộ văn hóa Liên Xô - Mạc tư khoa

+ Sách tham khảo

- B.Coosstravit- A.Pisarep (1995), người dịch Trương Lê Giáp, *Múa Cổ Điển Châu Âu*, Nxb văn hóa– thông tin.

- N.I.Tarasops (1981), người dịch Trương Lê Giáp, *Phương pháp múa cổ điển Châu Âu*, Nxb Nghệ thuật.

- Iu.Bakhusin (dịch Trương Lê Giáp), *Lịch sử múa Nga*, Nxb

- V.Kaxtoraviskaia (dịch Tạ Duy Hiện, Trịnh Út Nghiêm), *100 bài tập mẫu múa cổ điển Châu Âu.*

5. Ghi chú và giải thích

6. Quy định hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi

- Hình thức thi: Thực hành

- Thời gian thi: 60 phút

- Điều kiện thi: Theo quy chế hiện hành

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Múa Dân gian dân tộc

Mã môn học. MH 14

Thời gian thực hiện môn học: 480 giờ (Lý thuyết: 160 giờ; Thực hành bài tập: 300 giờ và kiểm tra 20 giờ)

I. Vị trí tính chất môn học.

- *Vị trí.* Là môn học chuyên ngành chủ đạo của ngành Biên đạo múa trình độ Cao đẳng.

- **Tính chất:** Là môn học tích hợp, cung cấp kiến thức những kỹ năng nhận biết, đánh giá, phân tích, và biết thể hiện ngôn ngữ, động tác múa khi kết hợp cùng âm nhạc.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vốn múa dân gian tiêu biểu, đa dạng của các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam, nắm vững và phân biệt phong cách từng dân tộc.

- Về kỹ năng: Có khả năng nắm bắt yếu lĩnh động tác và phát triển động tác trong dàn dựng tác phẩm múa. Biết kết hợp yếu tố dân tộc và tinh hoa nhân loại, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng hoạt động độc lập hoặc theo nhóm trong học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp

III. Nội dung môn học.

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian.

TT	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành bài tập	Kiểm tra
Học kỳ I		90	25	61	4
1	Bài 1: Dân tộc Việt (<i>phần cơ huấn</i>)	90	9	21	4
2	Bài 2: Dân tộc Thái		8	20	
3	Bài 3. Dân tộc Tày.		8	20	
Học kỳ II		90	25	61	4
4	Bài 4. Dân tộc Kinh	90	7	16	4
5	Bài 5: Dân tộc Mông.		6	15	
6	Bài 6: Dân tộc khơ mú Nghệ an		6	15	
7	Bài 7: Dân tộc Tày		6	15	

Học kỳ III		105	26	75	4
8	Bài 8: Dân tộc Kinh (<i>phần trống cơm</i>)	105	5	15	4
9	Bài 9: Dân tộc Mường		5	10	
10	Bài 10: Dân tộc Tày phần đàn then		4	15	
11	Bài 11: Dân tộc Hà nhì .		4	10	
12	Bài 12: Dân tộc Khơ mú Tây Bắc		4	10	
13	Bài 13: Dân tộc H'Mông		4	15	
Học kỳ IV		105	25	76	4
14	Bài 14: Dân tộc Kinh (<i>phần 1 + 2 quạt</i>)	105	5	20	4
15	Bài 15: Dân tộc Thái (<i>khăn quạt+khăn</i>)		5	20	
16	Bài 16: Dân tộc Lào		5	15	
17	Bài 17: Dân tộc Ê đê		5	11	
18	Bài 18: Dân tộc Gia rai		5	10	
Học kỳ V		90	25	61	4
19	Bài 19: Dân tộc Lô Lô	90	5	8	4
20	Bài 20: Phần Cao lan		5	8	
21	Bài 21: Dân tộc Dao		5	17	
22	Bài 22: Dân tộc Thái. (<i>phần nón</i>)		5	20	
23	Bài 23: Dân tộc Chăm		5	8	
Tổng		480	126	334	20

2. Nội dung chi tiết:

HỌC KỲ I

Được thực hiện ở học kỳ đầu tiên. Là môn học rất quan trọng, bắt buộc phải nắm vững kiến thức cơ bản, toàn bộ hệ thống phong phú và đa dạng của múa dân gian dân tộc Việt Nam trong chương trình, Là môn học thuộc để bổ trợ kiến thức cho phần kiến thức chuyên môn của ngành Biên đạo múa trình độ cao đẳng hệ 3 năm được tiến hành trong suốt khóa học.

Bài 1: Dân tộc Kinh

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động tác trong hệ thống .

Sinh viên cần nắm vững những kiến thức cơ bản đầu tiên về sự hình thành phương hướng, các thể chân tay, đặt nền tảng vững chắc đầu tiên cho việc tiếp cận

học tập những động tác tiếp theo, cần giải quyết kỹ các yêu cầu của độ mềm, dẻo, khéo léo và tinh tế.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

1. Các thế chân, các thế tay cơ bản.

1.1. Các thế chân cơ bản.

1.2. Các thế tay cơ bản.

1.3. Nhún mềm bằng, kiễng

1.4. Nhún chuyển trọng tâm

1.5. Nhún giật

1.6. Đi thế 2 bằng, kiễng

1.7. Đi lướt

1.8. Đi quả chám

1.9. Xiên thế 1, xiên //

2. Phần cổ tay

2.1. Guộn cổ tay, ngón tay các thế (1,2,4,6,5)

2.2. Hái đào (1tay, 2tay)

3. Phần cánh tay.

3.1. Dệt cử (vuốt ngang)

3.2. Xiên chim bay (vuốt dọc)

3.3. Vuốt guộn đuôi a,b,c (ngang, dọc)

3.4. Guộn đèn (guộn uốn cánh tay)

Bài 2: Dân tộc Thái

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống .

Sinh viên cần nắm vững những kiến thức cơ bản đầu tiên về sự hình thành phương hướng, các thế chân tay, đặt nền tảng vững chắc đầu tiên cho việc tiếp cận học tập những động tác tiếp theo.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

2.1. Nhún xòe a,b,c

2.2. Nhún mừng lay a,b

2.3. Lay mư tay than

2.4. Tò bó a,b,c

- 2.5. Kếp bó
- 2.6. Đi phong thổ
- 2.7. Xòe tay chiến a,b
- 2.8. Phá má hình

Bài 3: Dân tộc Tày (quả nhạc)

1. Mục tiêu: Nắm chắc kỹ thuật của phần tay múa nhạc, của phần chân đi xệt, đập gót.

- Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác

2. Nội dung bài:

- 2.1. Đập gót.
- 2.2. Đi xệt.
- 2.3 Phần động tác cơ bản.
- 2.4. Rung nhạc.
- 2.5. Sải pi oóc a, b, c.
- 2.6. Đi rung nhạc, nhảy rung nhạc.

HỌC KỲ II

Môn múa dân gian dân tộc ở học kỳ 2 tiếp tục trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản cốt lõi cần độ hoàn chỉnh và chuẩn xác về (phương hướng, thế tay chân, cách sử lý ổn định cơ thể). Huấn luyện kỹ hơn về độ mềm dẻo, linh hoạt của đầu gối, cổ chân, bàn chân, cánh tay, cổ tay, bàn tay, ngón tay, bắt đầu có sự phối hợp của toàn thân. Huấn luyện sức của chân đặc biệt là sức bền và sự linh hoạt.

Củng cố, hoàn thiện kỹ năng nhận biết và thực hành 3 yếu tố cơ bản: Tạo hình; Luật động; Tiết tấu.

Bài 4: Dân tộc Kinh

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống .

Tiếp tục hoàn thiện kỹ năng guồn ngón, nhằm mục tiêu đạt chuẩn ở kỹ thuật tinh tế, điều luyện, tăng cường độ bền và sự dẻo dai khi thực hiện kỹ thuật guồn ngón.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

- 1.1. Quay ngang nhún ký

- 1.2. Quay ngang di động
- 1.3. Gà rùng giật
- 1.4. Gà rùng mềm
- 1.5. Quay nửa vòng tại chỗ
- 1.6. Dậm a, b
- 1.7. Soi đèn a, b,
- 1.8. Câu cá.
- 1.9. Quay mũi gót di động
- 1.10. Quay di động liên tục

Bài 5: Dân tộc H'mông

1. Mục tiêu: Sinh viên cần nắm vững những kiến thức lý thuyết cơ bản về sự hình thành phát triển ngôn ngữ múa của dân tộc Mông, thông qua những giá trị: Văn hóa, tập quán tín ngưỡng... Những đặc điểm riêng hình thành lên những động tác múa Mông (Nam múa khèn, nữ múa khăn hoặc ô).

Tiếp cận với trạng thái múa sử dụng nhiều đến phần hông, sự uyển chuyển của phần tay khi cầm khăn múa.

Nắm chắc kỹ năng cầm, sử dụng khèn khi làm các động tác ở trạng thái cúi thấp người trong nhóm những động tác múa khèn của nam.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:
 1. Phần khăn nữ.
 - 1.1. Vòng khăn.
 - 1.2. Đi ngang tung khăn.
 - 1.3. Nhún chuyển trọng lượng.
 - 1.4. Xúng xính
 - 1.5. Nhảy đưa chân trước, nhảy lướt.
 - 1.6. Quay đổi chỗ
 - 1.7. Đánh chân tại chỗ
 - 1.8. Nhảy 3 góc
 2. Phần khèn nam.
 - 2.1. Đi thường.
 - 2.2. Nhún chuyển trọng lượng
 - 2.3. Nhảy đưa chân trước, nhảy lướt.
 - 2.4. Quay đổi chỗ

- 2.5. Đánh chân tại chỗ
- 2.6. Chọi gà a,b
- 2.7. Nhảy 3 góc

Bài 6: Dân tộc Khơ Mú Nghệ An

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống .

Sự chuyển động có tính đồng thời, cảm giác phần thân trên hơi ngật ngưỡng khi chuyển động, chú ý tinh vui hoạt trong mỗi động tác.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:
 - 1.1. Lên cầu thang
 - 1.2. Ném tranh.
 - 1.3. Chẻ lạt.
 - 1.4. Nện đất.
 - 1.5. Cười.
 - 1.6. Đánh néo

Bài 7: Dân tộc Tày

1. Mục tiêu: 1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống .

Tiếp tục hoàn thiện kỹ năng đạt chuẩn ở kỹ thuật tinh tế, điều luyện, tăng cường độ bền và sự dẻo dai khi thực hiện kỹ thuật động tác.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác

2. Nội dung bài
 - 2.1. Hắt nảy a,b.
 - 2.2. Chèo thuyền a,b,c.
 - 2.3. Đập lưng.
 - 2.4. Nhạc then

HỌC KỲ III

Môn múa dân gian dân tộc ở học kỳ 3 tiếp tục trang bị cho sinh viên những kiến thức múa cơ bản của các dân tộc khác, vậy nên rất cần sự hoàn chỉnh và chuẩn xác về mọi hoạt động của cơ thể khi tiếp cận với phong cách múa của từng dân tộc (phương hướng, thế tay chân, cách sử lý ổn định cơ thể). Tiếp tục

huấn luyện kỹ hơn về độ mềm dẻo, linh hoạt, sự phối hợp nhuần nhuyễn của toàn bộ cơ thể đặc biệt là sức của chân và độ mềm dẻo của lưng.

Hoàn thiện kỹ năng thực hành 3 yếu tố cơ bản: Tạo hình; Luật động; Tiết tấu. Đặc biệt chú trọng đến tính thẩm mỹ khi thực hiện động tác

Bài 8: Dân tộc Kinh (trống)

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống thực hiện các kỹ năng múa có yếu tố đánh trống ở trạng thái vui hoạt.

Thực hiện các bước chuyển động của phần chân: chạy lướt, chạy kiểng trên nửa bàn chân, các luật động chuyển động phần chân ở các tư thế tấn sâu cùng các luật động về phần tay thoáng đạt, rộng rãi.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

1.1. Nhật tân

1.2. Đại lộ

1.3. Hoa sen, cánh tiên.

1.4. Quảng bị

1.5. Quay tơ

1.6. Vung cánh tay

Bài 9: Dân tộc Mường

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống

Thực hiện các kỹ năng uyển chuyển của phần chân trong nhóm động tác múa Mường, cách sử lý phần cánh tay guộn uốn lượn - đảm bảo sự tinh tế, khéo léo.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài;

2.1. Guộn hoa a,b,c

2.2. Đọ hoa.

2.3. Đi nâng bông.

2.4. Bê cổ.

2.5. Phát nương.

2.6. Quay bông

Bài 10: Dân tộc Tày (đàn)

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa trong hệ thống, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động tác. Chú ý đến phong cách luật động bất gập hình thái múa tín ngưỡng của người Tày.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

3.1. Bái thánh.

3.2. Dâng đàn

3.3. Đu đàn

3.4. Hát nẩy

3.5. Trầu đàn

3.6. Đàn bướm

Bài 11: Dân tộc Tày Hà Nhì

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động tác trong hệ thống

Rèn luyện kỹ năng phong thái (uyên chuyên, tinh tế, khéo léo) khi kết hợp cùng với luật động của phần thân trên trong quá trình thực hiện các bước đi xoay người, chú ý đến sắc thái biểu cảm.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

1.1. Vuốt tóc.

1.2. Xoa má.

1.3. Khoe cườm.

1.4. Múa mời

1.5. Nhảy tiến lùi.

1.6. Nhún đi được mùa

1.7. Nhảy quay

Bài 12: Dân tộc Khơ Mú Tây Bắc

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động tác trong hệ thống .

Sự chuyển động có tính đồng thời, khi chuyển động, chú ý tinh vui hoạt trong mỗi động tác, đặc biệt là phần lắc hông.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

- 2.1. Đánh hươu mạy tại chỗ a,b
- 2.2. Đi đánh hươu mạy
- 2.3. Ngồi lượn đánh hươu mạy
- 2.4. Đánh giáp lưng giáp mặt
- 2.5. Nhảy chụm chân t1 đánh hươu mạy
- 2.6. Nhảy nhỏ đánh hươu mạy
- 2.7. Au eo (lắc mông)

Bài 13: Dân tộc H'mông

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống .

Tiếp tục hoàn thiện kỹ năng quay, nhảy, nhằm mục tiêu đạt chuẩn ở kỹ thuật tinh tế, điều luyện, tăng cường độ bền và sự dẻo dai khi thực hiện kỹ thuật quay nhảy của động tác.

Cách sử lý khăn có yếu tố chuyển động rộng và phức tạp, sự phối hợp đa giữa chân và tay khi thực hiện các kỹ thuật quay, nhảy di động, nhảy kết hợp với quay.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung chương:
 - 3.1. Đánh chân di động.
 - 3.2. Ngồi chéo.
 - 3.3. Quay hát gót
 - 3.4. Đánh chân tại chỗ
 - 3.5. Quay H'mông hoa tại chỗ
 - 3.6. Quay H'mông hoa di động
 - 3.7. Quay nhích gót

HỌC KỲ IV

Môn múa dân gian dân tộc ở học kỳ 4 tiếp tục trang bị cho sinh viên những kiến thức múa cơ bản của các dân tộc khác, vậy nên rất cần sự hoàn chỉnh và chuẩn xác về mọi hoạt động của cơ thể khi tiếp cận với phong cách múa của từng dân tộc (phương hướng, thế tay chân, cách sử lý ổn định cơ thể). Tiếp tục huấn luyện kỹ hơn về độ mềm dẻo, linh hoạt, sự phối hợp nhuần nhuyễn của toàn bộ cơ thể đặc biệt là sức của chân và độ mềm dẻo của lưng, tiếp cận và thực hiện các động tác quay tương đối nhanh và phức tạp, sử dụng cách dùng sức bên trong cơ thể.

Hoàn thiện kỹ năng thực hành 3 yếu tố cơ bản: Tạo hình; Luật động; Tiết tấu. Đặc biệt chú trọng nâng cao tính thẩm mỹ khi thể hiện mỗi động tác.

Bài 14: Dân tộc Kinh (phần quạt)

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống

Làm quen với các luật động múa quạt, cách cầm, guôn quạt, cách xử lý chuyển động các tư thế quạt trong múa.

Rèn luyện kỹ năng guôn quạt, đặc biệt là phong thái (uyển chuyển, tinh tế, khéo léo) khi kết hợp cùng với luật động của phần chân trong quá trình thực hiện các bước đi mềm, kiễng, chú ý đến sắc thái biểu cảm.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

1. Phần 1 quạt + 2 quạt

1.1. Guôn quạt a,b

1.2. Guôn vượt quạt

1.3. Vờn quạt che nghiêng

1.4. Đề thơ a,b

1.5. Lưu không a,b (đứng, ngồi)

1.6. Guôn chỉ

1.7. Đu tiên a,b

1.8. Bình sang

1.9. Ngồi chuyển rung quạt

1.10. Lùi vờn quạt

Bài 15: Dân tộc Thái (khăn, quạt)

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống

Thực hiện các kỹ năng uyển chuyển của phần chân trong nhóm động tác múa Thái, cách sử lý đạo cụ tay cầm quạt và khăn - đảm bảo sự tinh tế, khéo léo.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

2.1. Vi hấp a, b

2.2. Vi vẫy a, b, c

2.3. Vi ky

- 2.4. Vi len vi pấn
- 2.5. Vi táng xạ a,b
- 2.6. Châu pua
- 2.7. Cá ước
- 2.8. Xoong xậm
- 2.9. Khăn píc-khăn pao
- 2.1.1. Pung xuôi
- 2.1.2 Tra tay trên
- 2.1.3 Tạt ào
- 2.1.4. Quay khăn

Bài 16: Dân tộc Lào

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống.

Nắm trắc kỹ năng sử dụng các bước chuyển, nhún của chân. Cách chuyển động sử lý phần tay. Đặc biệt là phần vai.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

- 2. Nội dung bài:
 - 1.1. Ngắm hoa a,b,c
 - 1.2. Vuốt chỉ
 - 1.3. Nhún tạ chỗ, nhún đi ngang
 - 1.4. Bắu cung a,b

Bài 17: Dân tộc Ê đê

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống. Nắm trắc kỹ cách dùng cơ chân sử dụng các bước chuyển, nhún, chạy - nhảy. Cách chuyển động sử lý phần tay. Đặc biệt là phần vai.

- 2. Nội dung bài:
 - 2.1. Rung mơ tua
 - 2.2. Vuốt vặn
 - 2.3. Chim g' rứ (bước, nhảy)

Bài 18: Dân tộc Gia rai

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa trong hệ thống, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác, chú ý đến sức nén bên trong của động tác. Đặc điểm riêng của nhóm múa này hình thành lên những động tác múa Gia-Rai.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

3.1. Đưa mông a, b, c.

3.2. Nhún đưa chân sau, nhún vắt, nhún khóa,

3.3. Đi rung, nhảy nhanh nh

HỌC KỲ V

Môn múa dân gian dân tộc ở học kỳ 5 tục trang bị cho sinh viên những kiến thức múa cơ bản của các dân tộc khác, vậy nên độ nhanh nhậy và sự chuẩn xác về việc tiếp cận động tác cũng như phong cách múa của từng dân tộc cần có ở người học là sự linh hoạt, điều luyện. Đặc biệt là độ tinh tế có chiều sâu, các động tác quay ở tiết tấu nhanh và phức tạp. Hoàn thiện, nâng cao tính thẩm mỹ khi thể hiện mỗi động tác cá nhân cùng dàn tập thể.

Đồng thời dần hoàn thiện các kỹ năng cơ bản khi sinh viên tiếp cận đến các hình thái múa ở các vùng có nền văn hóa tách biệt khu vực, hoàn thiện toàn bộ các kỹ năng kỹ xảo. Khai sâu sự thể hiện của từng bộ phận cơ thể (Mắt, vai, ngón tay)

Bài 19: Dân tộc Gia rai Lô lô

1. Mục tiêu: Nắm vững những kiến thức lý thuyết cơ bản về sự hình thành phát triển ngôn ngữ múa của dân tộc Lô-Lô, thông qua những giá trị: Văn hóa, tập quán tín ngưỡng... Những đặc điểm riêng hình thành lên những động tác múa Lô-Lô (Nam nữ múa sinh hoạt, lao động, tín ngưỡng).

Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống. Luật động động tác có tính đồng đều phối hợp chặt chẽ, linh hoạt sử lý góc độ phương hướng.

Sự linh hoạt khỏe khoắn, độ cao thấp của cơ thể, sự chuyển động của phần chân khi thay đổi vị trí.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

- 1.1. Ngoắc tay
- 1.2. Vỗ tay
- 1.3. Kéo nhị
- 1.4. Hái quả
- 1.5. Phất tay áo
- 1.6. Sàng sây
- 1.7. Xe chỉ
- 1.8. Giã gạo

Bài 20: Dân tộc Gia rai - Cao lan

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống. Nắm trắc kỹ thuật vòng chân cách sử lý cánh tay khi thực hiện động tác.

Tăng cường độ linh hoạt của chân vẽ vòng, các tạo hình của tay khi làm ở tiết tấu nhanh.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2.Nội dung bài:

- 2.1. Chim đậu
- 2.2.Chim vờn
- 2.3. Chim vỗ cánh
- 2.4. Chim rửa cánh
- 2.5. Đi nương, phát nương
- 2.6. Tra hạt
- 2.7. Trọc lỗ

Bài 21: Dân tộc Dao

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống.

Tăng cường sử lý độ tinh tế của phần tay và độ mềm dẻo của lưng; Cách sử lý đao cụ chuông dao độ khéo léo và tinh tế cũng sự phối hợp của phần chân đặc biệt khi làm ở tiết tấu nhanh hoặc kỹ thuật quay. Thực hiện tốt các động tác múa vào hình thức bài tập có yếu tố biểu diễn.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

1. Phần nhóm lễ hội

- 1.1. Chào rung chuông a,b

- 1.2. Chào nhịp 5/4
- 1.3. Nhún nhảy
- 1.4. Nhảy nhỏ rung chuông(nhảy chân sáo)
- 1.5. Nhảy quay chân sáo

2. Phần nhóm dao tiền

- 2.1. Nhún rung chuông nhịp 4-5
- 2.2. Cúng ma, đuổi ma a,b,c
- 2.3. Đi rung chuông nhịp 7 hẫng, nhịp 7 dập
- 2.4. Bước trườn nhịp 4, trượt nhịp 4
- 2.5. Đi rung chuông nhịp 4,5
- 2.6. Hát tua a,b

Bài 22: Dân tộc Thái (nón)

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống. Tăng cường sử lý độ tinh tế của phân tay và độ mềm dẻo của lưng; Cách sử lý đạo cụ nón thái độ khéo léo và tinh tế cũng sự phối hợp của phần chân đặc biệt khi làm ở tiết tấu nhanh hoặc kỹ thuật quay. Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

1. Phần nón (Mường Lay + Phong Thổ)

- 1.1. Nâng nón
- 1.2. Nón ngửa(húng hoa)
- 1.3. Độ nón a,b
- 1.4. Lao nón
- 1.5. Nón đưa sau gáy.
- 1.6. Nón chiềng vai
- 1.7. Nón đưa hai bên (hái rau)
- 1.8. Nón xoay trên đầu, Nón che nghiêng
- 1.9. Nón trước sau(lao nón)
- 1.10 Nón cúp phá
- 1.11. Đi lắc nón
- 1.12. Quay nón liên tục.
- 1.13 Nón mừng chiên

2. Phần đàn tính.

- 2.1. Mừng lay a,b

- 2.2. Bước vội
- 2.3. Đàn chạy đàn quay
- 2.4. Chọi Đàn
- 2.5. Phá má hính
- 2.6. Phong thổ(mừng xò)

Bài 23: Dân tộc Chăm

1. Mục tiêu: Nắm vững những kiến thức lý thuyết cơ bản về sự hình thành phát triển ngôn ngữ múa của dân tộc Chăm, thông qua những giá trị: Văn hóa, tập quán tín ngưỡng... Những đặc điểm riêng hình thành lên những động tác múa Chăm (Nữ múa quạt).

Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động tác trong hệ thống. Cách sử lý quạt điều luyện tinh tế, khéo léo cùng sự kết hợp của toàn thân vận hành cùng âm nhạc.

Trang bị những kỹ năng cơ bản về múa dân gian dân tộc Chăm.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

1. Phần cung đình

- 1.1. Nhấn quạt hai bên
- 1.2. Bật quạt
- 1.3. Tổ hợp bật quạt
- 1.4. Đi rung nhấn quạt
- 1.5. Guộn quạt nhẩy nhỏ
- 1.6. Ngồi rung quạt che mặt
- 1.7. Vờn quạt, guộn quạt

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Sàn múa mặt sàn bằng gỗ, đủ ánh sáng, thoáng mát có đầy đủ gương, gióng, đảm bảo an toàn cho giáo viên và sinh viên.

2. Trang thiết bị máy móc: Đai, đĩa, máy vi tính có kết nối Internet, loa.

3. Học liệu, dụng cụ: Đàn tam thập lục, giá nhạc, đạo cụ chuyên ngành, 01 bộ bàn ghế cho giáo viên, gương soi, có hệ thống đèn và quạt.

- Đạo cụ học tập theo yêu cầu của từng dân tộc.
- Video clip, sách, báo, tài liệu khoa học
- Trang phục, giày múa.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua quá trình học tập trên lớp, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đạt được yêu cầu:

+ Nắm được các kỹ thuật cơ bản của môn học

+ Phương pháp thực hành luyện tập

+ Hiểu được ngôn ngữ động tác, và tính chất các dân tộc

- Kỹ năng: Thông qua việc học sinh thực hiện các bài tập thực hành, bài kiểm tra, bài thi, để đánh giá kỹ năng:

+ Thực hiện các kỹ thuật động tác cơ bản

+ Thuộc bài, xử lý bài

+ Có sự sáng tạo

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá thông qua việc nhận thức tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập cầu tiến, tự học hỏi.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: *Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho ngành Biên đạo múa trình độ Cao đẳng.*

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: *Sử dụng phương pháp tích hợp, thực hành làm mẫu.*

- Đối với người học: *Lắng nghe, ghi chép, quan sát, thực hiện các động tác cơ bản theo giảng viên, giáo viên đã hướng dẫn.*

3. Tài liệu tham khảo:

+ Giáo trình chính:

- Kiều Thị Cây, (2013), *Giáo trình Múa dân gian dân tộc Tày*, Nxb Văn hóa dân tộc

- Trần Nguyễn Khánh Phong, *Văn hóa dân gian dân tộc Cơ Tu*, Nxb Khoa học xã hội.

- Phùng Hồng Quỳnh - Trần Đức Viễn (2013), *Giáo trình Múa dân gian dân tộc Thái*. Nxb Văn hóa dân tộc

- Phùng Hồng Quỳnh - Trần Đức Viễn (2013). *Giáo trình Múa dân gian dân tộc Kinh*. Nxb Văn hóa dân tộc

- Ngô Đình Thành,(2016), *Giáo trình Múa dân tộc Lô-Lô*. Nxb Văn hóa dân tộc

- Trần Đức Viễn - Phạm Minh Phương(1994), *Giáo trình Múa dân gian các dân tộc Việt Nam*, Trường Cao Đẳng Múa Việt Nam

+ Sách tham khảo:

- Đặng Đình Thuận, *Văn hóa dân gian dân tộc Cao Lan*, Nxb Thanh Niên.

- Nguyễn Thị Thủy, *Văn hóa dân gian dân tộc Co ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin.

- Nhiều tác giả, *Văn hóa dân gian một số tộc người*. Nxb Văn hóa dân tộc.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

6. Quy định hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi

- Hình thức thi: Thực hành

- Thời gian thi: 90 phút

- Điều kiện thi: Theo quy chế hiện hành

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Biên đạo Múa

Mã môn học: MH 15

Thời gian thực hiện môn học: 510 giờ (Lý thuyết: 164 giờ; Thực hành bài tập: 330 giờ và kiểm tra 16 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- *Vị trí.* Là môn học chuyên ngành chủ đạo của ngành Biên đạo múa trình độ Cao đẳng. Tạo nền tảng cơ bản hình thành ý thức nhận biết chuyên môn xuyên suốt quá trình học tập và rèn luyện trong toàn khóa học

- *Tính chất:* Là môn học thực hành chuyên môn bắt buộc người học cần ghi nhớ những khái niệm cơ bản, những kỹ năng nhận biết, đánh giá, phân tích, và biết thể hiện ngôn ngữ, động tác múa khi kết hợp cùng âm nhạc. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ, động tác, kỹ thuật của múa.

II. Mục tiêu môn học: Môn học nhằm đào tạo ra những Biên đạo múa chuyên nghiệp.

- Về kiến thức: Môn múa Biên đạo múa nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sáng tác, đa dạng của các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam, nắm vững và phân biệt phong cách từng dân tộc, có năng lực sáng tạo vào tác phẩm mà mình sáng tác và dàn dựng.

- Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng sáng tác, biên đạo và biểu diễn tác phẩm múa dân gian dân tộc trên sân khấu hiện nay.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng hoạt động độc lập hoặc theo nhóm trong học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian.

Stt	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành bài tập	Kiểm tra
Học kỳ III		120	41	75	4
1	Chương 1: Khái niệm Biên đạo Múa 1. Nghệ thuật phản ánh và tái tạo cuộc sống 2. Nghệ thuật là hiểu biết, khám phá và sáng tạo 3. Người biên đạo múa với đường lối của Đảng và thực tế cuộc sống 4. Tài năng và lao động 5. Người biên đạo phải có tri thức và các loại hình nghệ thuật khác 6. Tâm hồn nghệ sỹ và sự rung động trước cái đẹp	120	15	25	4

2	<p>Chương 2: Biên đạo Múa</p> <p>1. Người biên đạo múa trước hết phải là một nghệ sĩ sáng tạo nên những giá trị nghệ thuật phục vụ cuộc sống của nhân dân</p> <p>- Công việc của biên đạo múa</p> <p>2. Biên đạo là người sáng tác, đạo diễn và dàn dựng những tác phẩm múa</p> <p>3. Kiến thức và sự hiểu biết rộng của người biên đạo múa</p>		16	25	
3	<p>Chương 3: Hình tượng, động tác, tổ hợp động tác, đoạn Múa</p> <p>1. Hình tượng (dáng) múa</p> <p>2. Động tác múa</p>		10	25	
Học kỳ IV		120	41	75	4
4	<p>Chương 4: Đội hình Múa</p> <p>- Đội hình múa là gì</p> <p>- Sức biểu hiện của đội hình</p> <p>- Tính phổ biến của kết cấu đội hình thể loại múa</p> <p>- Âm nhạc, trang trí mỹ thuật với động tác và đội hình múa</p> <p>- Tính cách nhân vật và đội hình múa</p> <p>- Mối quan hệ giữa đội hình và động tác múa</p> <p>- Phát triển đội hình múa</p>	120	15	25	4
5	<p>Chương 5: Đề tài</p> <p>- Đề tài xây dựng tác phẩm múa</p> <p>- Đối tượng của nghệ thuật</p> <p>- Khả năng phản ánh của nghệ thuật múa</p> <p>- Phương pháp khai thác đề tài</p>		16	25	
6	<p>Chương 6: Kịch bản Múa</p> <p>- Kịch bản chi tiết (phân cảnh)</p> <p>- Tiểu phẩm 2 ->3 đoạn</p>		10	25	
Học kỳ V		135	40	91	4
7	<p>Chương 7: Làm việc với đồng tác giả</p> <p>1. NT múa mang tính lao động, sáng tạo tập thể</p> <p>2. Âm nhạc và múa</p> <p>Bài tập thực hành</p>		10	20	
8	<p>Chương 8: Làm việc với Diễn viên</p> <p>1. Biên đạo múa với diễn viên</p> <p>2. Bài tập thực hành</p>	135	10	20	4
9	<p>Chương 9: Ngôn ngữ Múa</p> <p>1. Khái niệm về ngôn ngữ múa</p> <p>2. Tính chất, đặc điểm của loại động tác</p> <p>3. Phát triển động tác múa - Bài tập thực hành</p>		10	25	

10	* Ngôn ngữ Chủ đề Quan niệm giữa chủ đề múa và chủ đề âm nhạc Bài tập thực hành Hết học phần: Tiểu phẩm hình thức 3 đoạn		10	26	
Học kỳ VI		135	40	91	4
11	Chương 10: Sáng tác Múa - Nguồn gốc của động tác múa: - Phương pháp dàn dựng múa: - Những thủ pháp nghệ thuật: - Những cảm hứng đột xuất: - Phân phối chất liệu sáng tác: - Sáng tác động tác và đội hình múa: - Phương pháp thành lập câu tuyền: - Dựng tiểu phẩm Chương 11: Thể loại Múa Sự phân chia nghệ thuật múa thành các thể loại Các thể loại múa: - Múa một người (Solo) - Bài tập thực hành - Múa hai người (Duo) a, Các hình thức múa hai người b, Kết cấu múa hai người (Duo) c, Những điều cần chú ý khi sáng tác múa hai người Phân phối múa và âm nhạc - Khái niệm múa nội dung - Chính lý cải biên múa dân gian cổ truyền - Viết kịch bản - Ôn tập phần lý luận biên đạo - Thi viết phần lý luận Biên đạo múa - Kiểm tra hết học phần: Dựng tiểu phẩm * Ôn tập 1. Hệ thống lại các kỹ năng về biên đạo múa 2. Giới thiệu thêm về một số thể loại múa 3. Bài tập thực hành 4. Dựng bài và thi tốt nghiệp	135	40	91	4
Tổng:		510	162	328	20

2. Nội dung chi tiết

HỌC KỲ III

CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM VỀ LÝ LUẬN

1. Mục tiêu:

- Giúp sinh viên nắm được vai trò, vị trí của múa trong đời sống xã hội và một số loại hình nghệ thuật có liên quan mật thiết với nghệ thuật múa nhằm đáp ứng yêu cầu kết hợp học với hành, rèn tập với sân khấu biểu diễn.
- Giới thiệu cho sinh viên những tác phẩm múa, có liên quan tới quá trình học tập. Giúp học sinh có thể hiểu được nội dung, ý nghĩa, biểu cảm, cảm xúc của tác phẩm.

2. Nội dung bài:

- 2.1: Nghệ thuật phản ánh và tái tạo cuộc sống
- 2.2: Nghệ thuật là hiểu biết, khám phá và sáng tạo
- 2.3: Người biên đạo múa với đường lối của Đảng và thực tế cuộc sống
- 2.4: Tài năng và lao động
- 2.5: Người biên đạo phải có tri thức và các loại hình nghệ thuật khác
- 2.6: Tâm hồn nghệ sỹ và sự rung động trước cái đẹp

CHƯƠNG 2: BIÊN ĐẠO MÚA

1. Mục tiêu:

- Giúp sinh viên hiểu được công việc của Biên Đạo múa là gì?
- Những kiến thức cơ bản, để trở thành một Biên Đạo múa.

2. Nội dung bài:

2.1. Người biên đạo múa trước hết phải là một nghệ sỹ sáng tạo nên những giá trị nghệ thuật phục vụ cuộc sống của nhân dân

2.2. Công việc của biên đạo múa

- Có sự hiểu biết sâu rộng
- Biên đạo múa là người chỉ huy, hướng dẫn là tấm gương về lao động sáng tạo

2.3. Biên đạo là người sáng tác, đạo diễn và dàn dựng những tác phẩm múa

Kiến thức và sự hiểu biết rộng của người biên đạo múa

- Phải có lập trường quan điểm đúng đắn và tiến bộ
- Phải sống cuộc sống lao động, chiến đấu của dân tộc
- Phải hiểu biết sâu rộng về nền nghệ thuật dân tộc và những tinh hoa nghệ thuật của nhân loại
- Trau dồi kiến thức văn học

- Trau dồi kiến thức âm nhạc
- Trau dồi kiến thức hội họa
- Trau dồi kiến thức về kịch
- Có trình độ sâu rộng và toàn diện về nghệ thuật múa

CHƯƠNG 3

HÌNH TƯỢNG, ĐỘNG TÁC, TỔ HỢP ĐỘNG TÁC, ĐOẠN MÚA

1. Mục tiêu:

- Hình thành các bước biên đạo cơ bản thực tế đầu tiên trong nghề
- Giúp sinh viên, hình thành và tư duy, tưởng tượng ra những hình tượng, động tác, tổ hợp động tác và đoạn múa .

2. Nội dung bài:

2.1. Hình tượng (dáng) múa

- Hình tượng tĩnh
- Hình tượng động
- Xây dựng hình tượng một người
- Xây dựng hình tượng động người
- Bố cục hình tượng
- Tính khái quát của hình tượng

2.2. Động tác múa

2.2.1 Kết cấu động tác

Tiết tấu

Nhịp điệu

Cường độ

Bố cục động tác

Động tác múa biểu diễn

Bài tập thực hành

2.2.2 Động tác múa tình tiết

Bài tập thực hành

2.2.3 Động tác múa tính cách

Bài tập thực hành

Kiểm tra

2.2.4. Mối quan hệ giữa các động tác

2.2.5. Phát triển động tác múa

Phát triển nhịp độ

Phát triển cường độ

Phát triển từng bộ phận (Kết hợp quay và phát triển động tác)

Bài tập thực hành

Kiểm tra

2.2.6. Tổ hợp động tác: Các loại tổ hợp động tác

Tổ hợp động tác múa dư hứng

Tổ hợp động tác múa hành động

Tổ hợp động tác múa huấn luyện

Bài tập thực hành

2.2.7 Phát triển tổ hợp động tác múa

Bài tập thực hành

2.2.8 Một đoạn múa

Bài tập thực hành

HỌC KỲ IV

CHƯƠNG 4: ĐỘI HÌNH MÚA

1. Mục tiêu: Giúp sinh viên nắm được vai trò , vị trí trong đội hình múa

2. Nội dung bài:

Đội hình múa là gì?

Sức biểu hiện của đội hình

Tính phổ biến của kết cấu đội hình thể loại múa

Âm nhạc, trang trí mỹ thuật với động tác và đội hình múa

Tính cách nhân vật và đội hình múa

Mối quan hệ giữa đội hình và động tác múa

Phát triển đội hình múa

CHƯƠNG 5 : ĐỀ TÀI

1. Mục tiêu: Giúp sinh viên hiểu và tìm tòi những nội dung , đề tài cho tác phẩm múa

2. Nội dung bài:

Đề tài xây dựng tác phẩm múa

Đối tượng của nghệ thuật

Khả năng phản ánh của nghệ thuật múa

Phương pháp khai thác đề tài

CHƯƠNG 6 : KỊCH BẢN MÚA

1. Mục tiêu: Giúp sinh viên viết, hiểu và đọc được các thể loại kịch bản múa và các kịch bản liên quan tới múa

2. Nội dung bài:

2.1. Kịch bản văn học của tác phẩm múa

- Chủ đề tư tưởng của tác phẩm múa

- Nội dung tư tưởng của tác phẩm múa

- Những điều cần chú ý khi viết kịch bản múa

Bài tập thực hành

Kiểm tra

2.2. Kịch bản chi tiết (phân cảnh)

Bài tập thực hành

Kiểm tra chi tiết học phần

Tiểu phẩm 2 ->3 đoạn

HỌC KỲ V

CHƯƠNG 7: LÀM VIỆC VỚI ĐỒNG TÁC GIẢ

1. Mục tiêu: Giúp sinh viên hiểu được vấn đề có thể làm việc được với các đồng tác giả và chịu trách nhiệm , chỉ huy toàn bộ, để tổ chức sáng tạo, hoàn thành tác phẩm.

2. Nội dung bài:

2.1 Nghệ thuật múa mang tính lao động, sáng tạo tập thể

Mối quan hệ với đồng tác giả

Làm việc với nhà văn

Làm việc với nhạc sĩ

Làm việc với họa sĩ

2.2 Âm nhạc và múa

Cảm xúc âm nhạc của biên đạo múa

Âm nhạc của tác phẩm múa

Phân phối múa và âm nhạc

2.3. Bài tập thực hành

CHƯƠNG 8: LÀM VIỆC VỚI DIỄN VIÊN

1. Mục tiêu: Giúp sinh viên hiểu được cách chuyển đạt ý tưởng nội dung với diễn viên .

2. Nội dung bài:

2.1. Biên đạo múa với diễn viên

2.1.1. Đọc kịch bản và phân tích âm nhạc

2.1.2. Làm việc với diễn viên khi dàn dựng tác phẩm

2.2. Bài tập thực hành

CHƯƠNG 9: NGÔN NGỮ MÚA

1. Mục tiêu: Giúp sinh viên hiểu và phát triển ngôn ngữ múa trong cả tác phẩm

2. Nội dung bài:

2.1. Khái niệm về ngôn ngữ múa

2.2. Tính chất, đặc điểm của loại động tác múa

2.2.1. Động tác múa dư hứng

2.2.2. Động tác múa hành động

2.2.3. Động tác kịch câm

3. Phát triển động tác múa

3.1. Bài tập thực hành

3.2. Kiểm tra chi tiết học phần

HỌC KỲ VI

CHƯƠNG 10: SÁNG TÁC MÚA

1. Mục tiêu: Giúp sinh viên hiểu được quy trình chủ yếu để tạo nên tác phẩm múa

2. Nội dung bài:

2.1 Nguồn gốc của động tác múa:

2.2 Phương pháp dàn dựng múa:

2.3 Những thủ pháp nghệ thuật: 3

2.4 Quá trình sáng tác:

Hình dung toàn bộ

+ Vai trò của sức tưởng tượng

+ Các khả năng tưởng tượng

+ Tưởng tượng sáng tạo là quý nhất

Những cảm hứng đột xuất:

Phân phối chất liệu sáng tác:

Sáng tác động tác và đội hình múa:

Phương pháp thành lập câu tuyền:

Bài tập thực hành

Kiểm tra

Luật động

Bài tập thực hành

Kiểm tra hết học phần

Dựng tiểu phẩm

CHƯƠNG 11: THỂ LOẠI MÚA

1. Mục tiêu: Giúp sinh viên hiểu được các thể loại múa

2. Nội dung bài:

Sự phân chia nghệ thuật múa thành các thể loại

Các thể loại múa

Múa một người (Solo)

- Múa một người tính cách (Variation)

- Múa một người hành động

- Bài tập thực hành

Múa hai người (Duo)

a, Các hình thức múa hai người

- Duo

- Duet

- Dialog

- Adagio

b, Kết cấu múa hai người (Duo)

c, Những điều cần chú ý khi sáng tác múa hai người

- Bài tập thực hành

- Kiểm tra hết học phần

Phân phối múa và âm nhạc

- Bài tập thực hành

Múa “nội dung”

- Khái niệm múa nội dung

- Chính lý cải biên múa dân gian cổ truyền

- Bài tập thực hành

Viết kịch bản

Mối quan hệ giữa các thể loại

- Ôn tập phần lý luận biên đạo

- Thi viết phần lý luận Biên đạo múa

- Kiểm tra hết học phần: Dựng tiểu phẩm

ÔN TẬP

1. Mục tiêu: Giúp sinh viên hiểu được các thể loại múa

2. Nội dung bài:

1. Hệ thống lại các kỹ năng về biên đạo múa

2. Giới thiệu thêm về một số thể loại múa

Cảnh múa

Tổ khúc múa

Thơ múa

Kịch múa

3. Bài tập thực hành

Dựng bài

Kiểm tra

Múa tình tiết (Dựng bài)

Kiểm tra

Cảnh múa (Viết kịch bản)

4. Dựng bài và thi tốt nghiệp

- Dựng tác phẩm

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Sàn múa mặt sàn bằng gỗ, đủ ánh sáng, thoáng mát có đầy đủ gương, gióng, đảm bảo an toàn cho giáo viên và sinh viên.

2. Trang thiết bị máy móc: Đài, đĩa, máy vi tính có kết nối Internet, loa.

3. Học liệu, dụng cụ: Đàn tam thập lục, giá nhạc, đạo cụ chuyên ngành, 01 bộ bàn ghế cho giáo viên, gương soi, có hệ thống đèn và quạt.

- Đạo cụ học tập theo yêu cầu của từng dân tộc.

- Video clip, sách, báo, tài liệu khoa học

- Trang phục, giày múa.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua quá trình học tập trên lớp, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đạt được yêu cầu:

+ Nắm được các kỹ thuật cơ bản của môn học

+ Phương pháp thực hành luyện tập

+ Hiểu được ngôn ngữ động tác, tác phẩm múa mà mình trình bày

- Kỹ năng: Thông qua việc học sinh thực hiện các bài tập thực hành, bài kiểm tra, bài thi, để đánh giá kỹ năng:

- + Thực hiện các kỹ thuật động tác cơ bản
- + Thuộc bài, xử lý bài
- + Có sự sáng tạo

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá thông qua việc nhận thức tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập cầu tiến, tự học hỏi.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: *Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho ngành Biên đạo múa trình độ Cao đẳng.*

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: *Sử dụng phương pháp tích hợp, thực hành làm mẫu.*

- Đối với người học: *Lắng nghe, ghi chép, quan sát, thực hiện các động tác cơ bản theo giảng viên, giáo viên đã hướng dẫn.*

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải lưu ý những nội dung sau để áp dụng, cũng như đánh giá khả năng học tập của từng đối tượng vì đặc điểm lớp học múa có những vấn đề về: Độ tuổi; Dân tộc; Văn hóa vùng miền; ... cũng như cần chuẩn bị đầy đủ các điều kiện tốt nhất để thực hiện bài học nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

Khả năng tìm hiểu, sáng tạo, ứng dụng vào các hình tượng nghệ thuật.

4. Tài liệu tham khảo:

- Lê Ngọc Canh, (2003), *Phương pháp đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp*, Nxb VHNT.

- Lê Ngọc Canh, (1984), *Phương pháp viết kịch bản múa*, (Tài liệu giảng dạy cao đẳng, đại học biên đạo múa), HN.

- Lê Ngọc Canh, (2002,) *Đại cương nghệ thuật múa*, Nxb VHNT, HN,.

- Đặng Hùng, (2000), *Phương pháp sáng tác múa*, Nxb Văn nghệ TP. HCM,

- Bùi Chí Thanh, (1993), *Mấy vấn đề về biên đạo múa quần chúng*, Nxb VHNT.

- *Các băng đĩa hình về các tác phẩm múa trong và ngoài nước...*

- *Sách về các lễ hội Việt Nam.*

- *Giáo trình nghệ thuật múa.*
- *Giáo trình Biên Đạo múa.*
- *Các tài liệu sách, băng đĩa hình liên quan đến nghệ thuật Biên Đạo múa.*

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

6. Quy định hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi

- Hình thức thi: Thực hành
- Thời gian thi: 120 phút
- Điều kiện thi: Theo quy chế hiện hành

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực tập nghề nghiệp

Mã môn học: MH 16

Thời gian thực hiện môn học: 720 giờ (Thực hành có hướng dẫn: 716 giờ và kiểm tra 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Thực tập nghề nghiệp nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sáng tác các các phẩm múa, đa dạng về các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam, nắm vững và phân biệt phong cách từng dân tộc, có năng lực sáng tạo.

- Tính chất: Thực tập thực tế tích lũy tư liệu là môn học trong phần học cơ sở chuyên ngành, Tạo cho sinh viên điều kiện thực tập, quan sát cuộc sống, thu nhập tài liệu,.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, phương pháp tư duy của người biên đạo múa. khai thác đề tài để củng cố phần đã học đồng thời có điều kiện và khả năng xây dựng tác phẩm tốt nghiệp

- Về kỹ năng: Tạo điều kiện cho sinh viên chủ động sáng tạo trong vận dụng kiến thức đã học và rèn luyện các kỹ năng vào trong công việc thực tế.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ học tập nghiêm túc, sáng tạo, sự tìm tòi, phát triển về tư duy, khả năng vận dụng những kiến thức đã học để xây dựng bài tập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Tìm hiểu thực tế hoạt động văn hóa nghệ thuật	150		149	1
2	Bài 2 : Thực tập biên đạo múa	150		149	1
3	Bài 3 : Làm diễn viên biểu diễn	210		209	1
4	Bài 4 : Làm bài tập cáo cáo thu hoạch	210		209	1
Cộng		720		716	4

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1

Tìm hiểu thực tế hoạt động văn hóa nghệ thuật

1. Mục tiêu:

- Giúp sinh viên tìm hiểu rõ hơn về các hoạt động của các đơn vị hoạt động chuyên nghiệp, và bán chuyên nghiệp

2. Nội dung bài:

- Tìm hiểu thực tế hoạt động văn hóa nghệ thuật ở các đơn vị

Bài 2

Thực tập biên đạo múa

1. Mục tiêu:

- Giúp sinh viên hiểu được công việc của Biên Đạo múa là gì?

2. Nội dung bài:

- Sinh viên thực tập biên đạo các tác phẩm trực tiếp tại các đơn vị hoạt động nghệ thuật.

Bài 3

Làm diễn viên biểu diễn

1. Mục tiêu:

- Giúp sinh viên hiểu được công việc của Biên Đạo múa là gì?

2. Nội dung bài:

- Sinh viên tiếp xúc trực tiếp với các diễn viên tại các đơn vị hoạt động nghệ thuật.

Bài 4

Làm bài tập cáo cáo thu hoạch

1. Mục tiêu:

- Sinh viên hiểu được công việc của Biên Đạo múa là gì. Viết và chuẩn bị bản báo cáo thu hoạch khi sinh viên hoạt động tại các cơ sở đơn vị hoạt động nghệ thuật

2. Nội dung bài:

- Sinh viên chuẩn bị bản báo cáo thu hoạch

- Tổ chức báo cáo bản thu hoạch

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Liên hệ với các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp và các đơn vị hoạt động văn hóa nghệ thuật bán chuyên nghiệp

2. Trang thiết bị máy móc: Máy quay, máy ghi âm, Đầu đĩa CD, VCD, Loa máy, màn chiếu.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo án, giáo trình, chương trình dạy, tài liệu biên đạo múa.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Những hiểu biết về các đơn vị hoạt động nghệ thuật, về những vị trí liên quan tới biên đạo múa. Nhận biết những kiến thức cơ bản trong việc biên đạo múa. Phương thức giải quyết những vấn đề sơ khai của công việc biên đạo múa.

- Kỹ năng: Nhằm nâng cao kiến thức cho bản thân. Luyện tập sáng tạo, để nâng cao khả năng biên đạo múa.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Khả năng vận dụng những kiến thức đã học để xây dựng bài tập.

2. Phương pháp:

- Đánh giá bằng bài kiểm tra thực hành. Theo thang điểm 10.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: *Dùng cho giảng dạy ngành cao đẳng biên đạo múa hệ 3 năm*

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: *Giáo viên sử dụng phương pháp tích hợp, chuyển dạy từ lý thuyết tới thực hành, và cả kinh nghiệm trong công tác thực tế Biên Đạo*

- Đối với người học: *Lắng nghe, quan sát, thực hiện các vấn đề giáo viên đã hướng dẫn, và các vấn đề khi thực tập tại các đơn vị nghệ thuật*

3. Những trọng tâm cần chú ý: Khả năng tìm hiểu, thích ứng, sáng tạo, ứng dụng vào các hoạt động nghệ thuật.

4. Tài liệu tham khảo:

- *Chương trình nghệ thuật được ghi hình bằng video*

- *Kịch bản các chương trình nghệ thuật*

- *Các tài liệu sách, băng đĩa hình liên quan đến nghệ thuật Biên Đạo múa.*

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

6. Quy định hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi:

- Hình thức thi: Thực hành
- Thời gian thi: 120 phút
- Điều kiện thi: Theo quy chế hiện hành

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Văn hóa giao tiếp

Mã môn học: MH 17

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 14 giờ; thảo luận, thực hành: 14 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Văn hóa giao tiếp là môn học trong nhóm các môn tự chọn của các ngành Cao đẳng.

- **Tính chất:** Đây là học phần không bắt buộc, nếu được lựa chọn, môn học sẽ được bố trí học vào kỳ II của năm thứ nhất.

II. Mục tiêu môn học:

- **Về kiến thức:** Sau khi học xong, sinh viên hiểu được những vấn đề khái quát về hoạt động giao tiếp: khái niệm, đặc trưng, chức năng, mục đích của giao tiếp...; những nghi thức giao tiếp, kỹ năng giao tiếp cơ bản và những đặc điểm trong văn hóa giao tiếp của người Việt Nam.

- **Về kỹ năng:** Thực hành được các nghi thức và kỹ năng giao tiếp cơ bản.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** biết vận dụng những kiến thức đã học được vào quá trình giao tiếp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái quát về hoạt động giao tiếp 1. Khái niệm về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp 2. Đặc trưng, chức năng của giao tiếp 3. Mục đích của giao tiếp 4. Cấu trúc quá trình giao tiếp	30	2		2
3	Bài 2: Hành vi giao tiếp có văn hóa 1. Định nghĩa 2. Nguyên tắc của hành vi giao tiếp có văn hóa 3. Hiệu quả giao tiếp		2	2	

4	Bài 3. Một số nghi thức giao tiếp cơ bản 1. Nghi thức chào hỏi 2. Nghi thức bắt tay 3. Nghi thức ôm hôn 4. Danh thiếp 5. Giới thiệu, làm quen 6. Tặng hoa, tặng quà 7. Ghế ngồi và cung cách 8. Sử dụng xe con theo nghi thức ngoại giao		2	6	
5	Bài 4: Một số kỹ năng giao tiếp 1. Kỹ năng gây ấn tượng ban đầu trong giao tiếp 2. Kỹ năng lắng nghe 3. Kỹ năng thuyết phục 4. Kỹ năng tổ chức quá trình giao tiếp 5. Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp 6. Kỹ năng kiểm soát cảm xúc bản thân 7. Kỹ năng sử dụng phong cách giao tiếp		4	6	
6	Bài 5: Một số đặc điểm trong văn hóa giao tiếp của người Việt Nam 1. Các đặc trưng giao tiếp cơ bản 2. Các đặc trưng cơ bản của nghệ thuật ngôn từ Việt Nam		4		
Cộng		30	14	14	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1

Khái quát về hoạt động giao tiếp

Mục tiêu: Sinh viên hiểu được một số vấn đề khái quát về hoạt động giao tiếp: đặc trưng, chức năng, mục đích và cách phân loại giao tiếp...

Nội dung:

1. Khái niệm về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp
2. Đặc trưng, chức năng của giao tiếp

3. Mục đích của giao tiếp
4. Cấu trúc quá trình giao tiếp

Bài 2

Hành vi giao tiếp có văn hóa

Mục tiêu: Sinh viên hiểu được định nghĩa và nguyên tắc của hành vi giao tiếp có văn hóa, những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giao tiếp.

Nội dung:

1. Định nghĩa
2. Nguyên tắc của hành vi giao tiếp có văn hóa
3. Hiệu quả giao tiếp

Bài 3

Một số nghi thức giao tiếp cơ bản

- **Mục tiêu:** Sinh viên thực hành được các nghi thức giao tiếp cơ bản.

- **Nội dung**

1. Nghi thức chào hỏi
2. Nghi thức bắt tay
3. Nghi thức ôm hôn
4. Danh thiếp
5. Giới thiệu, làm quen
6. Tặng hoa, tặng quà
7. Ghế ngồi và cung cách
8. Sử dụng xe con theo nghi thức ngoại giao

Bài 4

Một số kỹ năng giao tiếp

- **Mục tiêu:** Sinh viên thực hành được một số kỹ năng giao tiếp.

- **Nội dung**

1. Kỹ năng gây ấn tượng ban đầu trong giao tiếp
2. Kỹ năng lắng nghe
3. Kỹ năng thuyết phục
4. Kỹ năng tổ chức quá trình giao tiếp
5. Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp
6. Kỹ năng kiểm soát cảm xúc bản thân
7. Kỹ năng sử dụng phong cách giao tiếp

Bài 5

Một số đặc điểm trong văn hóa giao tiếp của người Việt Nam

- **Mục tiêu:** Sinh viên biết được một số đặc điểm trong văn hóa giao tiếp của người Việt Nam.

- **Nội dung:**

1. Các đặc trưng giao tiếp cơ bản
2. Các đặc trưng cơ bản của nghệ thuật ngôn từ Việt Nam.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: 01

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: sách giáo trình và tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên biết được một số khái niệm, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giao tiếp, những nghi thức giao tiếp, kỹ năng giao tiếp cơ bản và những đặc điểm trong văn hóa giao tiếp của người Việt Nam.

- Về kỹ năng: Thực hành được các nghi thức và kỹ năng giao tiếp cơ bản.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: biết vận dụng những kiến thức đã học được vào quá trình giao tiếp.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học.

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho chương trình cao đẳng các ngành Thanh Nhạc, Biên đạo múa, hội họa.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, thực hành các nghi thức và các kỹ năng.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình kỹ năng giao tiếp - Th.s Đinh Văn Đáng, Nxb LĐXH, 2006

- Giao tiếp phi ngôn ngữ qua các nền văn hóa - PGS, TS Nguyễn Quang,
Nxb KHXH, 2008

- Cẩm nang ứng xử - bí quyết trẻ lâu, sống lâu - TS Thế Hùng

- Tâm lý học giao tiếp - TS Nguyễn Văn Đồng, Nxb Chính trị Hành
chính, 2009

- Nhập môn Khoa học Giao tiếp - Nguyễn Sinh Huy, Nxb Giáo dục

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

6. Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học:

- Hình thức thi: thi Vấn đáp

- Thời gian thi: Theo quy định.

- Điều kiện thi: Thực hiện theo Quy chế hiện hành.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Múa sân khấu truyền thống

Mã môn học. MH 17

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành có hướng dẫn: 14 giờ và kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí tính chất môn học.

- **Vị trí.** Môn học được tiến hành sau khi sinh viên đã có những kiến thức cơ bản về múa Cổ điển Châu Âu và múa Dân gian dân tộc Việt Nam, đồng thời có khả năng tư duy và trí tưởng tượng.

- **Tính chất.** Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giải phóng cơ thể, luật động, dáng nét, phong cách và một số kỹ thuật của múa sân khấu Truyền Thống trong tác phẩm của các biên đạo trong và ngoài nước

II. Mục tiêu môn học.

1. Về kiến thức.

- Chuẩn bị chung cho cả hệ thống múa sân khấu truyền thống VN, Huấn luyện cho sinh viên nắm được những yêu cầu cơ bản về ngoại hình, luật động, tư duy trừu tượng và phong cách múa sân khấu Truyền Thống. Có khả năng tiếp thu luật động, động tác múa sân khấu Truyền Thống, thể hiện được phong cách, kỹ thuật và những yêu cầu của môn học. Đến sự phối hợp hài hòa toàn thân, bước đầu tạo nên phong cách dáng nét trong múa sân khấu truyền thống VN.

- Giúp sinh viên hiểu biết về luật động động tác múa cơ bản của múa sân khấu truyền thống VN.

2. Về kỹ năng.

- Vận dụng vào môn học và thực hành mô đun múa sân khấu truyền thống VN vào các tác phẩm biểu diễn để có những hiểu biết đúng đắn, sâu sắc về nghề nghiệp.

- Giúp cho sinh viên có kỹ năng thực hiện tốt những kỹ thuật, kỹ xảo của múa sân khấu truyền thống VN.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm.

- Đủ sức khỏe, tham gia hết khóa học.

- Tham gia đầy đủ các giờ học tập trên lớp, tiếp thu và nắm vững yêu cầu giáo viên. Thái độ học tập nghiêm túc, sáng tạo.

- Tự ôn ngoài giờ, tham khảo các tài liệu bằng đĩa hình hỗ trợ.

- Chuẩn bị đầy đủ quần áo, dây tập, đạo cụ theo yêu cầu của môn học.

- Tham dự kiểm tra và thi.

III. Nội dung môn học.

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian.

Stt	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết Thực hành	Thảo luận bài tập	Kiểm tra
2	<p>Bài 1: Giới thiệu, tìm hiểu về múa sân khấu Truyền Thống</p> <p>1. Bài tập cơ bản chân và tay</p> <p>1.1. Các tư thế chân</p> <p>1.2. Bàn chân duỗi</p> <p>1.3. Bàn chân móc</p> <p>1.4. Bàn chân quặp</p> <p>2. Các tư thế tay</p> <p>2.1. Bàn tay</p> <p>2.2. Bàn tay ngửa</p> <p>2.3. Bàn tay chỉ</p> <p>3. Các tư thế chân chuẩn bị</p> <p>3.1. Chân song song</p> <p>3.2. Chân chữ bát</p> <p>3.3. Chân chữ bát thường</p> <p>3.4. Chân chữ bát</p> <p>3.5. Chân chữ đỉnh</p> <p>3.6. Chân chữ đỉnh thường</p> <p>3.7. Chân chữ đỉnh mở</p> <p>3.8. Chân chữ đỉnh hai</p> <p>3.9. Chân chữ đỉnh ba</p> <p>4. Phần cơ bản luật động tay</p> <p>4.1. Sóc tay áo (1tay, 2tay)</p> <p>4.2. Chao ngang cùng chiều</p> <p>4.3. Chao úp, chao mở, chao dọc</p> <p>4.4. Khoát</p> <p>4.5. Loan, xỏ, bọc, xoa</p> <p>4.6. Loan cổ tay</p> <p>4.7. Khai nam, khai nữ</p>	15 giờ	07 giờ	07 giờ	1 giờ

	Bài 2: Kỹ thuật quay, nhảy nhỏ, nhảy lớn. 1. Kỹ thuật quay 1.1.Quay cát bản 1.2.Quay lót, cầu 1.3.Quay duỗi chéo dựng 1.4.Quay cát bản lớn 1.5.Quay nhảy tại chỗ 2.Phần nhảy nhỏ 2.1.Nhảy chữ bát 2.2. Nhảy duỗi chân chéo 2.3. Nhảy cầu 2.4.Nhảy vắt 2.5.Nhảy đá vòng lưng 2 chân 3. Phần nhảy lớn 3.Nhảy duỗi chéo lật 3.1.Nhảy đá vòng lưng 1 chân 3.2.Nhảy xoạc ngang duỗi chéo 3.3.Nhảy thành 3.4.Nhảy rồng bay 3.5.Nhảy vòng	15 giờ	07 giờ	07 giờ	1 giờ
3					
	Cộng	30 giờ	14 giờ	14 giờ	2giờ

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1

Giới thiệu, tìm hiểu về múa SK Truyền Thống VN

1. Mục tiêu: Trang bị cho học sinh những kiến thức chung về các điệu múa cơ bản của múa sân khấu truyền thống VN. Giải quyết độ mềm (đầu gối, cổ chân, bàn chân, cổ tay, cánh tay, bàn tay), nắm được các thế tay, thế chân và các động tác cơ bản

2. Nội dung bài:

1. Bài tập cơ bản chân và tay

- 1.1.Các tư thế chân
- 1.2.Bàn chân duỗi
- 1.3. Bàn chân móc

- 1.4. Bàn chân quặp
- 2. Các tư thế tay**
- 2.1. Bàn tay
- 2.2. Bàn tay ngửa
- 2.3. Bàn tay chỉ
- 3. Các tư thế chân chuẩn bị**
- 3.1. Chân song song
- 3.2. Chân chữ bát
- 3.3. Chân chữ bát thường
- 3.4. Chân chữ bát
- 3.5. Chân chữ đinh
- 3.6. Chân chữ đinh thường
- 3.7. Chân chữ đinh mở
- 3.8. Chân chữ đinh hai
- 3.9. Chân chữ đinh ba
- 4. Phần cơ bản luật động tay**
- 4.1. Sóc tay áo (1tay, 2tay)
- 4.2. Chao ngang cùng chiều
- 4.3. Chao úp, chao mở, chao dọc
- 4.4. Khoát
- 4.5. Loan, xỏ, bọc, xoa
- 4.6. Loan cổ tay
- 4.7. Khai nam, khai nữ

Bài 2

Kỹ thuật quay, nhảy nhỏ, nhảy lớn

1. Mục tiêu: Trang bị cho học sinh những kiến thức chung về các điệu múa cơ bản của múa sân khấu truyền thống VN

2. Nội dung bài:

1. Kỹ thuật quay

- 1.1. Quay cắt bản
- 1.2. Quay lót, cầu
- 1.3. Quay duỗi chéo dựng
- 1.4. Quay cắt bản lớn
- 1.5. Quay nhảy tại chỗ

2. Phần nhảy nhỏ

- 2.1. Nhảy chữ bát
- 2.2. Nhảy duỗi chân chéo
- 2.3. Nhảy cầu
- 2.4. Nhảy vắt
- 2.5. Nhảy đá vòng lưng 2 chân

3. Phần nhảy lớn

3. Nhảy duỗi chéo lật
- 3.1. Nhảy đá vòng lưng 1 chân
- 3.2. Nhảy xoạc ngang duỗi chéo
- 3.3. Nhảy thành
- 3.4. Nhảy rỗng bay
- 3.5. Nhảy vòng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học chuyên ngành múa (sàn gỗ).

2. Trang thiết bị máy móc: Gương soi. Quạt điện. Nhạc cụ dân tộc (đàn tam thập lục). Trang thiết bị nghe nhìn (Loa, Đài, Màn hình, Míc trợ giảng) đài đĩa.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ học tập. Đạo cụ đầy đủ theo từng học phần, trang phục lên lớp theo yêu cầu của môn học.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Khả năng tiếp thu và vận dụng vào bài học. Nắm chắc các luật động động tác cơ bản về các thế tay, thế chân và một số động tác cơ bản.

- Kỹ năng: Thực hiện đúng kỹ thuật luật động, động tác, khả năng dùng sức từng bộ phận đến sự phối hợp toàn thân. Bước đầu tạo nên phong cách, dáng nét trong múa sân khấu truyền thống VN.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: . Có ý thức ,tự giác trong học tập, tự rèn luyện ngoài giờ. Đảm bảo đủ số giờ lên lớp theo đúng quy định. Thái độ học tập nghiêm túc, sáng tạo. Tham gia tích cực vào giờ giảng.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: *Dùng cho giảng dạy ngành Biểu diễn múa dân gian dân tộc hệ 3 năm*

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: **giáo viên sử dụng phương pháp tích hợp, thực hành làm mẫu.**

- Đối với người học: **Lắng nghe, ghi chép, quan sát, thực hiện các động tác cơ bản theo giáo viên đã hướng dẫn.**

- Nắm được trọng tâm, trọng điểm bài học.

- Tự tin và hứng thú khi đi học.

- Tập trung theo dõi bài giảng,

- Tập trung nghe, hiểu vấn đề rồi thực hiện theo bài giảng.

- Tập trung vào những nội dung chính, những điểm quan trọng nhất mà giảng viên thường nhấn mạnh qua ngữ điệu, qua việc nhắc lại nhiều lần.

3. Những trọng tâm cần chú ý: giải quyết độ mềm dẻo của thân trên, ngón tay, bàn tay, cổ tay, cánh tay, bàn chân, cổ chân, đầu gối.

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình múa sân khấu Truyền Thống

- Tham khảo tài liệu và tư liệu về múa sân khấu Truyền Thống, thông qua băng đĩa hình trong và ngoài nước

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)